

## Lời mở đầu

### ➤ Tính cấp thiết của đề tài

Đất nước ta đã và đang hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền kinh tế thế giới. Việc tham gia các tổ chức kinh tế, đặc biệt là WTO đã tạo cho Việt Nam những cơ hội cũng như thách thức không nhỏ. Trong nền kinh tế thị trường có tính cạnh tranh cao đó, các doanh nghiệp Việt Nam muốn tồn tại và phát triển thì ngoài việc tổ chức tốt công tác quản lý, ổn định sản xuất thì việc nâng cao chất lượng sản phẩm, hành hoá, dịch vụ, hạ giá thành sản phẩm đóng vai trò rất quan trọng. Đặc biệt là đối với các doanh nghiệp sản xuất thì biện pháp đầu tiên và quyết định là tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành mà vẫn đảm bảo chất lượng của sản phẩm. Do đó công tác hạch toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp là rất quan trọng. Việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành một cách khoa học, hợp lý, phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp sẽ cung cấp cho các nhà quản lý những thông tin chính xác, kịp thời về tình hình sản xuất của doanh nghiệp, giúp họ đưa ra những quyết định sản xuất kinh doanh hợp lý và hiệu quả, giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Đây cũng là khâu trọng tâm trong công tác kế toán ở các doanh nghiệp sản xuất, luôn được quan tâm và chú trọng.

Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng là đề tài được đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu song vẫn còn những điểm chưa sáng tỏ.

Thực tiễn công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm ở các doanh nghiệp hiện nay còn nhiều bất cập. Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường, em nhận thấy công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại Công ty còn một số vấn đề chưa hoàn thiện. Xuất phát từ sự cần thiết cả về lý luận và thực tiễn nêu trên, với sự giúp đỡ của các cán bộ, nhân viên phòng Tài chính-Kế toán của Công ty và sự hướng dẫn của Thạc sỹ Nguyễn Văn Thụ, em đã chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán hạch toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường” làm khoá luận.

**➤ Mục đích nghiên cứu của đề tài**

- Hệ thống hóa những kiến thức chung nhất về công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

- Nắm bắt được thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.

- Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp góp phần hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.

**➤ Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

Đối tượng nghiên cứu: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong doanh nghiệp.

Phạm vi nghiên cứu: Khóa luận trình bày kết quả nghiên cứu về đối tượng nêu trên trong phạm vi một doanh nghiệp cụ thể, đó là Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.

**➤ Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

- Đề tài góp phần làm rõ, cụ thể hơn lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

- Áp dụng kết quả nghiên cứu của đề tài để nâng cao hiệu quả tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường. Kết quả này còn có thể được ứng dụng trong các doanh nghiệp có đặc điểm tương tự với đơn vị thuộc phạm vi nghiên cứu.

**➤ Kết cấu của khóa luận**

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung của khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.

## **CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**

**1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.**

***1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.***

- Tổ chức kế toán hợp lý, chính xác chi phí sản xuất, tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí, giá thành. Tổ chức kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chi phí phát sinh ở doanh nghiệp nói chung, ở từng bộ phận và đối tượng nói riêng góp phần quản lý tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn tiết kiệm có hiệu quả. Mặt khác tạo điều kiện và có biện pháp phấn đấu hạ thấp giá thành sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm là một trong những điều kiện quan trọng để thị trường chấp nhận sản phẩm của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho sản phẩm của doanh nghiệp có điều kiện cạnh tranh với sản phẩm của các doanh nghiệp khác.

- Tổ chức kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là đối tượng chính của kế toán quản trị, chủ yếu cung cấp thông tin phục vụ cho công tác quản lý ở doanh nghiệp, song nó có ý nghĩa rất quan trọng và chi phối đến chất lượng công tác kế toán khác, cũng như chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý kinh tế, tài chính, tình hình thực hiện chính sách chế độ của Nhà nước, Bộ, Ngành trong doanh nghiệp. Do vậy, quản lý chi phí là một yêu cầu cấp thiết mà tất cả các doanh nghiệp đều phải thực hiện.

***1.1.2. Vai trò, nhiệm vụ trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.***

Chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp nên rất được các chủ doanh nghiệp quan tâm. Kế toán tập hợp chi phí sản

xuất và tính giá thành sản phẩm cung cấp những thông tin cần thiết về CPSX và giá thành sản phẩm giúp các nhà quản trị đưa ra các biện pháp tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Vì vậy kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong các doanh nghiệp sản xuất. Để đảm bảo tốt vai trò của mình, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm có các nhiệm vụ chính sau:

- Căn cứ vào đặc điểm sản xuất và quy trình công nghệ, đặc điểm tổ chức sản phẩm của DN mà xác định đối tượng và cách tính tập hợp chi phí sx & tính giá thành sản phẩm cho phù hợp.

- Tổ hợp ghi chép và phân tích tổng hợp chi phí sản xuất theo từng phân xưởng, đội tổ, từng giai đoạn sản xuất, theo các yếu tố chi phí, theo các khoản mục giá thành sản phẩm và công việc.

- Tổ chức hợp lý và phân bổ từng loại chi phí SXKD theo đúng đối tượng tập hợp chi phí đã xác định bằng phương pháp thích hợp đối với từng loại chi phí và tập hợp chi phí theo khoản mục và theo yếu tố chi phí quy định.

- Thường xuyên kiểm tra đối chiếu và định kỳ phân tích tình hình thực hiện các định mức chi phí đối với chi phí trực tiếp, các dự toán chi phí đối với chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí QLDN để đề xuất các biện pháp tăng cường quản lý tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Định kỳ báo cáo chi phí sản xuất theo đúng chế độ, đánh giá sản phẩm dở dang một cách khoa học hợp lý, xác định giá thành và hạch toán giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ một cách chính xác nhất.

## **1.2. Tổng quan về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.**

### ***1.2.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất.***

#### **✓ Khái niệm chi phí sản xuất.**

Doanh nghiệp sản xuất là doanh nghiệp trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Để tiến hành hoạt động sản xuất các doanh nghiệp cần phải có các yếu tố đầu vào như tư liệu lao động, đối tượng lao động

và quan trọng hơn cả là sức lao động. Song để có được yếu tố đầu vào đó người ta phải bỏ ra một khoản chi phí nhất định và người ta quan niệm đó là chi phí sản xuất.

Khái quát lại, có thể hiểu chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm).

#### ✓ **Phân loại chi phí sản xuất**

Chi phí sản xuất bao gồm nhiều khoản chi có nội dung, công dụng và mục đích sử dụng khác nhau. Vì vậy để quản lý chi phí được chặt chẽ, theo dõi và hạch toán chi phí một cách có hệ thống, nâng cao chất lượng công tác kiểm tra và phân tích kinh tế trong các doanh nghiệp, cần phải phân loại chi phí theo các tiêu thức thích hợp. Tùy theo việc xem xét chi phí ở các góc độ khác nhau và mục đích quản lý chi phí mà chi phí sản xuất được phân loại theo các tiêu thức khác nhau.

##### ❖ Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu:

Bao gồm các chi phí nguyên liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu và thiết bị cơ bản...

- Chi phí nhân công: là chi phí về tiền lương, tiền công phải trả cho người lao động và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn trên tiền lương, tiền công...

- Chi phí khấu hao tài sản cố định: Là toàn bộ chi phí khấu hao của tất cả các tài sản cố định trong doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là số tiền phải trả cho các dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài phục vụ cho các hoạt động của doanh nghiệp (như dịch vụ cung cấp điện, nước, sửa chữa các tài sản cố định...)

- Chi phí khác bằng tiền: Là các chi phí khác bằng tiền phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài các khoản chi phí nói trên.

Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung tính chất kinh tế có tác dụng quan

trọng đối với việc quản lý chi phí của lĩnh vực sản xuất: cho phép hiểu rõ cơ cấu, tỷ trọng từng yếu tố chi phí, là cơ sở để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, làm cơ sở cho việc dự trù hay xây dựng kế hoạch cung ứng vật tư, tiền vốn, huy động sử dụng lao động...

❖ Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích công dụng của chi phí

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp: Bao gồm chi phí về các nguyên vật liệu chính (kể cả nửa thành phẩm mua ngoài) vật liệu phụ, nhiên liệu... sử dụng trực tiếp vào việc sản xuất tạo ra những sản phẩm hay thực hiện công việc, lao vụ. Không tính vào khoản mục này những chi phí nguyên vật liệu dùng vào mục đích sản xuất chung hay cho những hoạt động ngoài lĩnh vực sản xuất.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm chi phí về tiền lương, phụ cấp phải trả các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ trên tiền lương của công nhân (lao động) trực tiếp sản xuất theo quy định. Không tính vào khoản mục này khoản tiền lương, phụ cấp và các khoản trích trên tiền lương của nhân viên phân xưởng, nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý doanh nghiệp hay nhân viên khác.

- Chi phí sản xuất chung: Là chi phí dùng vào việc quản lý và phục vụ sản xuất chung tại bộ phận sản xuất (phân xưởng, đội, trại...) bao gồm các khoản sau:

- + Chi phí nhân viên phân xưởng
- + Chi phí vật liệu
- + Chi phí dụng cụ sản xuất
- + Chi phí khấu hao tài sản cố định
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + Chi phí bằng tiền khác

Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích và công dụng kinh tế có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí cho kỳ sau.

Ngoài 2 cách phân loại trên đây để phục vụ cho công tác quản lý và công

tác kế toán chi phí sản xuất có thể được phân loại theo nhiều cách khác nhau như:

- ❖ Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ giữa chi phí với khối lượng sản phẩm, lao vụ gồm: chi phí khả biến và chi phí bất biến.
- ❖ Phân loại chi phí sản xuất theo phương pháp tập hợp chi phí giá thành gồm: chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.
- ❖ Phân loại chi phí theo mối quan hệ của chi phí với qui trình công nghệ sản xuất sản phẩm gồm: chi phí cơ bản và chi phí chung.
- ❖ Phân loại theo mối quan hệ với các khoản mục trên báo cáo tài chính gồm: chi phí sản phẩm và chi phí thời kỳ.

### ***1.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm.***

#### **✓ Khái niệm giá thành sản phẩm**

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, chi phí sản xuất mới chỉ là một mặt thể hiện sự hao phí. Để đánh giá chất lượng sản xuất kinh doanh, chi phí chỉ ra phải được xem xét trong mối quan hệ với mặt thứ hai, hiệu quả do nó mang lại, từ quan hệ đó hình thành lên chỉ tiêu giá thành sản phẩm.

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa có liên quan đến khối lượng, sản phẩm, lao vụ đã hoàn thành.

Như vậy, giá thành sản phẩm là một chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả sử dụng tài sản, vật tư lao động và tiền vốn trong quá trình sản xuất, cũng như tính đúng đắn của các giải pháp tổ chức, kinh tế, kỹ thuật và công nghệ mà doanh nghiệp đã sử dụng nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất lao động, chất lượng sản xuất, hạ thấp chi phí và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Giá thành còn là một căn cứ quan trọng để định giá bán và xác định hiệu quả kinh tế của hoạt động sản xuất.

#### **✓ Phân loại giá thành sản phẩm**

Để đáp ứng các yêu cầu của quản lý, hạch toán và kế hoạch hóa giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá cả hàng hóa, giá thành được xem xét dưới nhiều góc độ, nhiều phạm vi tính toán khác nhau. Về lý luận cũng như trên thực tế,

ngoài các khái niệm giá thành xã hội, giá thành cá biệt, còn có khái niệm giá thành công xưởng và giá thành toàn bộ ...

❖ **Phân loại giá thành sản phẩm theo cơ sở số liệu và thời điểm tính giá thành**

- Giá thành kế hoạch: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch. Việc tính giá thành kế hoạch do bộ phận kế hoạch của doanh nghiệp thực hiện và được tính trước khi bắt đầu quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là căn cứ để so sánh, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp.

- Giá thành định mức: Là giá thành sản phẩm được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành và chỉ tính cho đơn vị sản phẩm. Giá thành định mức được xem như thước đo chính xác để xác định kết quả sử dụng các loại tài sản, vật tư, tiền vốn trong doanh nghiệp, giúp cho việc đánh giá đúng đắn các giải pháp kinh tế, kỹ thuật mà doanh nghiệp đã thực hiện trong quá trình hoạt động sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Cũng giống như giá thành kế hoạch việc tính giá thành định mức cũng được tiến hành trước khi sản xuất chế tạo sản phẩm.

- Giá thành thực tế: Là giá thành được tính trên cơ sở số liệu chi phí sản xuất thực tế đã phát sinh và tập hợp được trong kỳ và sản lượng sản phẩm thực tế đã sản xuất ra trong kỳ. Giá thành thực tế chỉ có thể tính toán được sau khi kết thúc quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm được tính toán cho cả chi tiêu tổng giá thành và giá thành đơn vị. Giá thành thực tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh kết quả phấn đấu của doanh nghiệp trong quá trình tổ chức và sử dụng các giải pháp kinh tế, kỹ thuật... để thực hiện quá trình sản xuất sản phẩm, là cơ sở để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước cũng như các đối tác liên doanh, liên kết.

❖ **Phân loại giá thành sản phẩm theo phạm vi phát sinh chi phí**

- Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng): Giá thành sản xuất của sản



phẩm bao gồm các chi phí sản xuất, chế tạo sản phẩm (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung...) tính cho những sản phẩm, công việc hoặc lao vụ đã hoàn thành. Giá thành sản xuất của sản phẩm được sử dụng để ghi sổ cho sản phẩm đã hoàn thành nhập kho hoặc giao thẳng cho khách hàng, đồng thời là căn cứ để tính giá vốn hàng bán và lãi gộp trong kỳ ở các doanh nghiệp.

- Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ: Bao gồm giá thành sản xuất và chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tính cho sản phẩm tiêu thụ. Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ chỉ xác định và tính toán khi sản phẩm, công việc hoặc lao vụ đã được xác định là tiêu thụ. Giá thành toàn bộ là căn cứ để tính toán, xác định mức lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp.

### **1.3. Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.**

#### ***1.3.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.***

Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất là các loại chi phí được thực hiện trong một phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí nhất định nhằm phục vụ cho việc kiểm tra, phân tích chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Các chi phí phát sinh cần được tập hợp theo phạm vi, giới hạn có thể là:

- Cho toàn doanh nghiệp, toàn bộ quy trình công nghệ giai đoạn sản xuất
- Theo từng phân xưởng, từng giai đoạn công nghệ sản xuất
- Theo từng sản phẩm, chi tiết sản phẩm, theo đơn đặt hàng.

#### ***1.3.2. Phương pháp tập hợp chi phí***

Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất là hệ thống các phương pháp được sử dụng để tập hợp và phân bổ các chi phí trong giới hạn của đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định. Tùy thuộc vào khả năng qui nạp chi phí vào các đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất, kế toán sẽ áp dụng phương pháp tập hợp chi phí sản xuất một cách phù hợp.

#### **❖ Phương pháp tập hợp trực tiếp**

Phương pháp tập hợp trực tiếp áp dụng đối với các chi phí có liên quan

trực tiếp đến đối tượng kế toán tập hợp chi phí đã xác định và công tác hạch toán ghi chép ban đầu cho phép qui nạp trực tiếp các chi phí này vào từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí có liên quan.

❖ Phương pháp phân bổ gián tiếp

Phương pháp phân bổ gián tiếp được áp dụng khi một loại chi phí có liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất, không thể tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng được. Trường hợp này phải lựa chọn đối tượng phân bổ hợp lý, để tiến hành phân bổ chi phí cho các đối tượng có liên quan theo công thức:

$$C_i = \frac{\sum C}{\sum_{i=1}^n T_i} * T_i$$

Trong đó:

$C_i$ : Là chi phí sản xuất phân bổ cho đối tượng thứ  $i$

$\sum C$ : Là tổng chi phí đã tập hợp cần phân bổ

$\sum_{i=1}^n T_i$ : Là tổng đại lượng của tiêu chuẩn dùng để phân bổ

$T_i$ : Là đại lượng của tiêu chuẩn dùng để phân bổ của đối tượng thứ  $i$

Tiêu chuẩn được lựa chọn để phân bổ chi phí cho các đối tượng đòi hỏi phải hợp lý phù hợp với mức tiêu hao của chi phí cần phân bổ.

### 1.3.3. Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm.

#### ✓ Đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành là sản phẩm cuối cùng của quy trình sản xuất (bán thành phẩm, thành phẩm...) hay đang trên dây chuyền sản xuất tùy theo yêu cầu của chế độ hạch toán kinh tế mà doanh nghiệp áp dụng và quá trình tiêu thụ sản phẩm. Cần phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị.

\* Căn cứ vào đặc điểm, tình hình sản xuất kinh doanh, loại sản phẩm của doanh nghiệp để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp với thực tế:

- Với sản xuất đơn chiếc và sản xuất hàng loạt nhỏ thì đối tượng tính giá thành là sản phẩm của từng đơn đặt hàng.

- Đối với sản xuất hàng loạt và khối lượng lớn phụ thuộc vào quy trình sản xuất giản đơn hay phức tạp mà đối tượng tính giá thành có thể là sản phẩm cuối cùng hay bán thành phẩm.

\* Căn cứ vào quá trình công nghệ sản xuất của Doanh nghiệp:

- Nếu quy trình giản đơn thì đối tượng tính giá thành là sản phẩm ở cuối công nghệ.

- Ngược lại nếu quy trình công nghệ phức tạp theo kiểu chế biến liên tục thì đối tượng tính giá thành có thể là thành phần ở bước chế tạo cuối cùng hoặc bán thành phẩm ở từng bước chế tạo.

#### ✓ **Kỳ tính giá thành**

Trong công tác tính giá thành kế toán còn có nhiệm vụ định kỳ tính giá thành.

Nguyên tắc chung của kỳ tính giá thành là khi kết thúc quy trình công nghệ sản xuất hoặc việc kết thúc một giai đoạn công nghệ phải phù hợp với yêu cầu trình độ quản lý. Do vậy, xác định kỳ tính giá thành phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, chu kỳ sản xuất, yêu cầu trình độ kế toán của nhân viên giá thành. Thông thường doanh nghiệp sản xuất với khối lượng sản phẩm lớn, chu kỳ sản xuất ngắn và xen kẽ liên tục, kỳ tính giá thành thích hợp nhất là hàng tháng. Nếu chu kỳ sản xuất dài thì kỳ tính thích hợp nhất là thời điểm mà sản phẩm đó hoàn thành.

#### ***1.3.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang.***

Sản phẩm dở dang là sản phẩm còn đang nằm trong quá trình sản xuất chế biến hay vẫn còn nằm trong dây chuyền sản xuất hoặc đã hoàn thành một số công đoạn. Để tính được giá thành sản phẩm trong kỳ thì kế toán phải xác định được giá trị sản phẩm dở dang. Việc tính giá thành sản phẩm còn phụ thuộc một phần vào việc đánh giá sản phẩm dở dang. Do vậy khi đánh giá sản phẩm dở dang thì phải xác định được mức độ hoàn thành của từng loại sản phẩm dở dang ở từng giai đoạn chế biến và vận dụng một số phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cho phù hợp. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ được thực hiện bằng một số phương pháp sau:

➤ **Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí NVL TT**

Theo phương pháp này thì giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ tính phần NVL trực tiếp còn chi phí NC TT và chi phí sản xuất chung được tính vào thành phẩm hoặc bán thành phẩm. Với giả định chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bỏ vào một lần ngay từ đầu quá trình sản xuất.

$$D_{ck} = \frac{D_{đk} + C_n}{Q_{ht} + Q_{dd}} \times Q_{dd}$$

Trong đó:

$D_{đk}$ : Chi phí sản phẩm dở dang đầu kỳ

$C_n$ : Chi phí NVL TT phát sinh trong kỳ

$Q_{ht}$ : Số lượng thành phẩm hoàn thành

$Q_{dd}$ : Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ

Phương pháp này chỉ thích hợp với những doanh nghiệp có chi phí NVL chiếm đại đa số trong giá thành sản phẩm.

➤ **Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.**

Dựa vào mức độ hoàn thành và số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ để quy đổi ra sản phẩm hoàn thành tương đương, để đảm bảo độ chính xác cao. Đối với chi phí NVL chính được giả định bỏ vào một lần ngay từ đầu sản xuất còn NVL phụ, chi phí nhân công, chi phí sx chung được tính theo ước tính tương đương. Thường ở các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp thì NVL chính được bỏ hết vào giai đoạn đầu còn giai đoạn tiếp theo thì DN bỏ thêm chi phí chế biến.

$$\begin{array}{l} \text{Khoản mục chi} \\ \text{phí sản xuất} \\ \text{nằm trong} \\ \text{sản phẩm dở} \\ \text{dang} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Khoản mục chi phí} \\ \text{sản xuất nằm trong} \\ \text{sản phẩm dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Khoản mục chi} \\ \text{phí sản xuất} \\ \text{thực tế phát} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array}}{Q_{ht} + Q_{dd} \text{ quy đổi}} \times \begin{array}{l} Q_{dd} \\ \text{quy} \\ \text{đổi} \end{array}$$

$Q_{dd}$  quy đổi: Số lượng sản phẩm dở dang quy đổi

$Q_{ht}$  : Số lượng thành phẩm hoàn thành

$$Q_{dd} \text{ quy đổi} = Q_{dd} \times \text{tỷ lệ hoàn thành.}$$

Phương pháp này thường được tính theo sản phẩm hoàn thành.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Sản phẩm} & & \text{Dck Chi phí} & & \text{Dck Chi phí} & & \text{Dck Chi} \\ \text{dở dang CK} & = & \text{NVL chính} & + & \text{NVL phụ} & + & \text{phí SX} \\ & & & & & & \text{chung} \\ & & & & \text{NC TT} & + & \end{array}$$

➤ **Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản phẩm định mức**

Theo phương pháp này, cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê sản phẩm dở dang. Xác định mức độ hoàn thành sản phẩm dở dang cuối kỳ, căn cứ vào định mức của từng đơn vị sản phẩm để tính chi phí sản phẩm dở dang cuối kỳ theo công thức:

$$\text{Dck} = \text{SLsp dở dang CK} \times \text{Chi phí sản xuất định mức} \times \text{tỷ lệ hoàn thành.}$$

Phương pháp này rất phù hợp với DN nào đã tính được định mức chi phí sản phẩm hợp lý hoặc đã tính giá thành sản phẩm theo định mức.

➤ **Đánh giá sản phẩm dở dang theo 50% chi phí chế biến.**

Để đơn giản cho việc kiểm kê tính giá thành sản phẩm dở dang có khối lượng lớn, mức độ làm việc không đồng đều thì kế toán có thể giả định mức độ của sản phẩm dở dang là 50% để phân bổ chi phí chế biến cho mỗi một giai đoạn cho sản phẩm dở dang.

➤ **Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ theo chi phí NVL chính.**

Theo phương pháp này thì giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ tính phần NVL chính trực tiếp còn chi phí NC TT và chi phí sản xuất chung được tính vào thành phẩm hoặc bán thành phẩm. Với giả định chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp bỏ vào một lần ngay từ đầu quá trình sản xuất.

$$\text{Dck} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \frac{\text{Chi phí NVL chính thực tế phát sinh trong kỳ}}{\text{Qht} + \text{Qdd}}}{\text{Qht} + \text{Qdd}} \times \text{Qdd}$$

Trong đó:

Qht: Số lượng thành phẩm hoàn thành trong kỳ.

Qdd: Số lượng sản phẩm dở dang.

**1.3.5. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.**

Phương pháp tính giá thành là một phương pháp hoặc hệ thống phương pháp được sử dụng để tính giá thành của đơn vị sản phẩm, nó mang tính thuần túy kỹ thuật tính toán chi phí cho từng đối tượng tính giá thành.

**❖ Phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn)**

Phương pháp này áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước... Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp này là từng loại sản phẩm hay dịch vụ.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành sản phẩm hoàn thành} & = & \text{Giá thành SP dở dang đầu kỳ} & + & \text{Tổng chi phí phát sinh trong kỳ} & - & \text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccc} \text{Giá thành sản phẩm đơn vị} & = & \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm}}{\text{Tổng khối lượng sản phẩm hoàn thành}} \end{array}$$

**➤ Phương pháp tính giá thành theo hệ số.**

Theo phương pháp này thì đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là toàn bộ quy trình công nghệ sản xuất còn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm do quy trình công nghệ đó sản xuất hoàn thành. Phương pháp này căn cứ vào đặc điểm kinh tế kỹ thuật của sản phẩm để tính cho mỗi loại sản phẩm một hệ số trong đó chọn sản phẩm tiêu chuẩn có hệ số là 1. Sau đó căn cứ vào từng loại sản phẩm và hệ số giá thành đã quy định để quy đổi hệ số của từng loại sản phẩm theo sản lượng sản phẩm tiêu chuẩn.

$$\text{Tổng SL thực tế quy đổi ra SL sp tiêu chuẩn} = \sum_1^n S_i x H_i$$

Trong đó:  $S_i$ : Sản lượng của sản phẩm thứ  $i$

$H_i$ : Hệ số quy đổi cho sản phẩm thứ  $i$

$$\text{Z thực tế sp} = \frac{\text{Tổng giá thành thực tế của sp}}{\text{Tổng sp thực tế quy đổi ra sp tiêu chuẩn}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng sp} \\ \text{quy đổi} \end{array}$$

➤ **Phương pháp tỷ lệ chi phí:**

Phương pháp này thường áp dụng với những DN mà cùng loại nguyên vật liệu đầu vào sản xuất ra nhiều loại sản phẩm có quy cách phẩm chất, kích cỡ khác nhau. Để giảm bớt khối lượng công tác hạch toán, kế toán thường tập hợp chi phí theo từng loại sản phẩm cùng loại.

Căn cứ vào tỷ lệ chi phí giữa chi phí thực tế và chi phí sản xuất kế hoạch hoặc định mức kế toán tính ra giá thành đơn vị và tổng giá thành sản phẩm của từng loại.

$$Z \text{ sản phẩm từng loại} = Z_{KH}(\text{định mức từng loại}) \times \text{hệ số chi phí}$$

$$\text{Hệ số chi phí} = \frac{\text{Tổng chi phí sx thực tế của tất cả các loại sản phẩm}}{\text{Tổng giá thành KH(định mức) của tất cả các loại sản phẩm}}$$

❖ **Phương pháp loại trừ sản phẩm phụ**

Phương pháp này thường áp dụng với những DN sản xuất trong ngành Nông nghiệp, chế biến,..

$$\text{Z đơn vị sp chính} = \frac{\text{CP sx dd đầu kỳ} + \text{Tổng ps trong kỳ} - \text{CP sx dd cuối kỳ} - \text{giá trị sp phụ}}{\text{Tổng sản phẩm chính}}$$

❖ **Phương pháp xác định giá thành sản phẩm theo đơn đặt hàng**

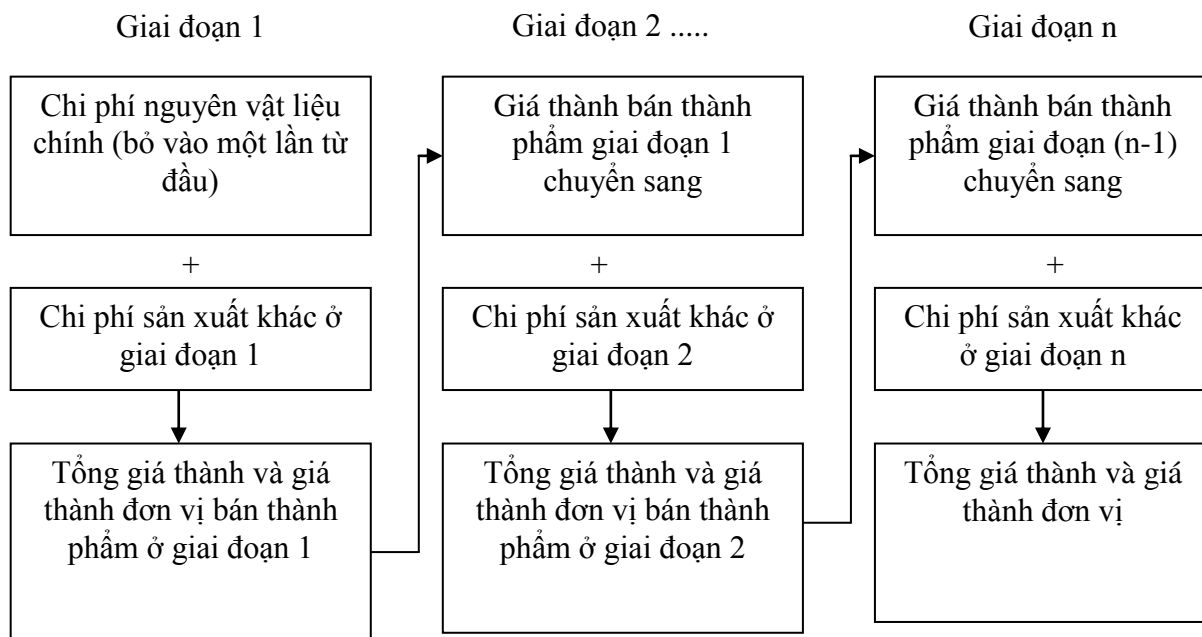
Đối với doanh nghiệp sản xuất theo đơn đặt hàng của khách hàng kế toán tiến hành tập hợp chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng.

Đối tượng tính giá thành là từng đơn đặt hàng riêng biệt.

Việc tính giá thành sản phẩm theo các đơn đặt hàng chỉ tiến hành khi hoàn thành đơn đặt hàng, do đó kỳ tính giá thành thường không trùng với kỳ báo cáo. Đối với đơn đặt hàng mà kỳ báo cáo chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được theo đơn đó đều coi là giá trị dở dang cuối kỳ báo cáo và được chuyển sang kỳ sau.

❖ **Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp phân bước**

\* **Phương pháp kết chuyển tuần tự**



*Sơ đồ 1.1: Sơ đồ kết chuyển tuần tự chi phí để tính giá thành*

Cách tính như sau:

Căn cứ vào chi phí sản xuất đã tập hợp ở giai đoạn 1 để tính giá thành của bán sản phẩm thành phẩm ở giai đoạn 1 theo công thức:

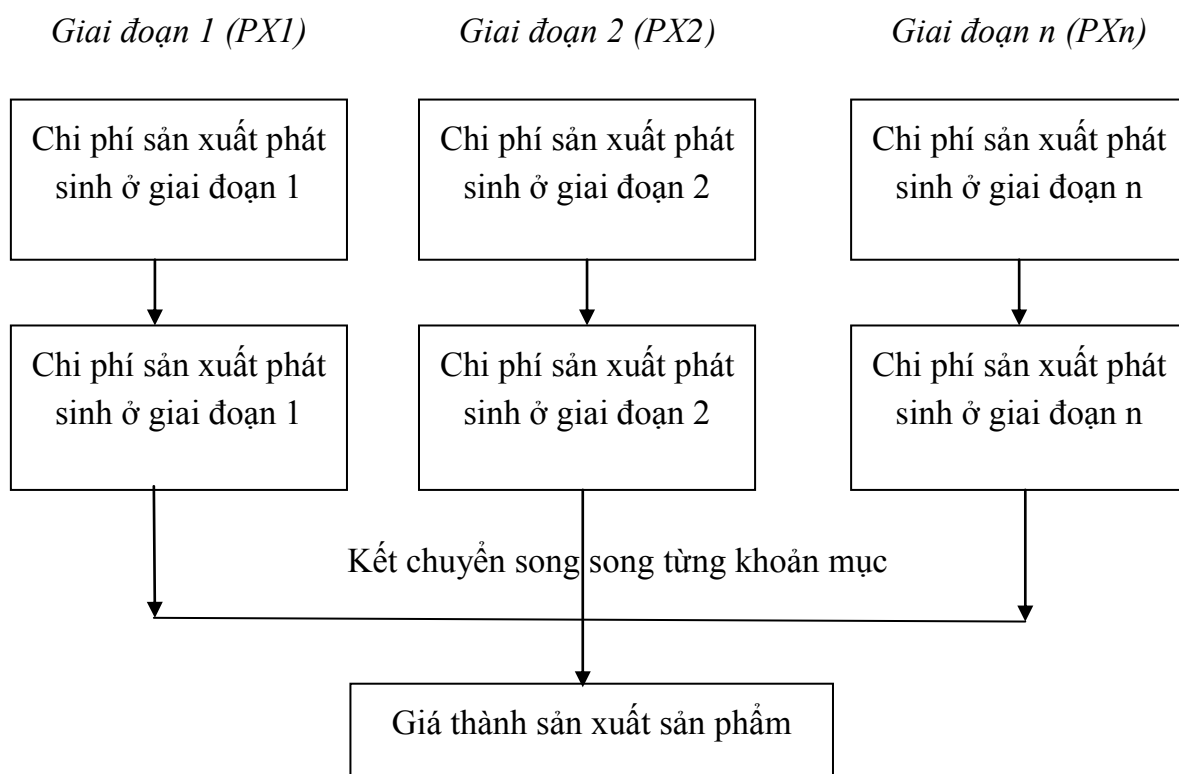
$$\begin{array}{l} \text{Giá thành bán} \\ \text{thành phẩm} \\ \text{giai đoạn 1} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{vật liệu} \\ \text{trực tiếp} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí chế} \\ \text{biến giai} \\ \text{đoạn 1} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thành sản} \\ \text{phẩm dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá thành sản} \\ \text{phẩm dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Tại giai đoạn 2 kế toán tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành bán} \\ \text{thành phẩm} \\ \text{giai đoạn 2} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{vật liệu} \\ \text{trực tiếp} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí chế} \\ \text{biến giai} \\ \text{đoạn 2} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá thành sản} \\ \text{phẩm dở dang} \\ \text{đầu kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá thành sản} \\ \text{phẩm dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Cứ tuần tự tính đến giá thành sản phẩm đến giai đoạn n theo phương pháp này.



\* **Phương pháp kết chuyển song song.****Sơ đồ 1-2: Sơ đồ kết chuyển song song chi phí để tính giá thành**

Theo phương pháp này mỗi bước chế biến chỉ tính chi phí chế biến của bước đó, không tính giá thành bán thành phẩm của bước khác chuyển sang, Chi phí chế biến của các bước sẽ tính nhập vào giá thành của sản phẩm theo phương pháp kết chuyển song song theo sơ đồ.

❖ **Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp định mức.**

Theo phương pháp này thì giá thành sản phẩm định mức thường được tính vào đầu tháng, áp dụng cho các DN tính giá thành theo từng tháng một. Vì vậy giá thành thực tế sản xuất thường không chênh lệch so với giá thành định mức.

**1.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.****1.4.1. Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành trong trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

✓ Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp theo dõi, phản ánh thường xuyên, liên tục có hệ thống tình hình nhập, xuất tồn vật tư hàng hóa

trên sổ kế toán. Trong trường hợp áp dụng phương pháp KKTX, các tài khoản kế toán phản ánh hàng tồn kho được dùng để phản ánh số liệu hiện có, tình hình biến động tăng giảm của vật tư hàng hóa. Vì vậy, doanh nghiệp luôn quản lý được chi phí sản xuất trong quá trình sản xuất sản phẩm của mình ở bất cứ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

#### 1.4.1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là giá trị nguyên, vật liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện các lao vụ, dịch vụ của doanh nghiệp.

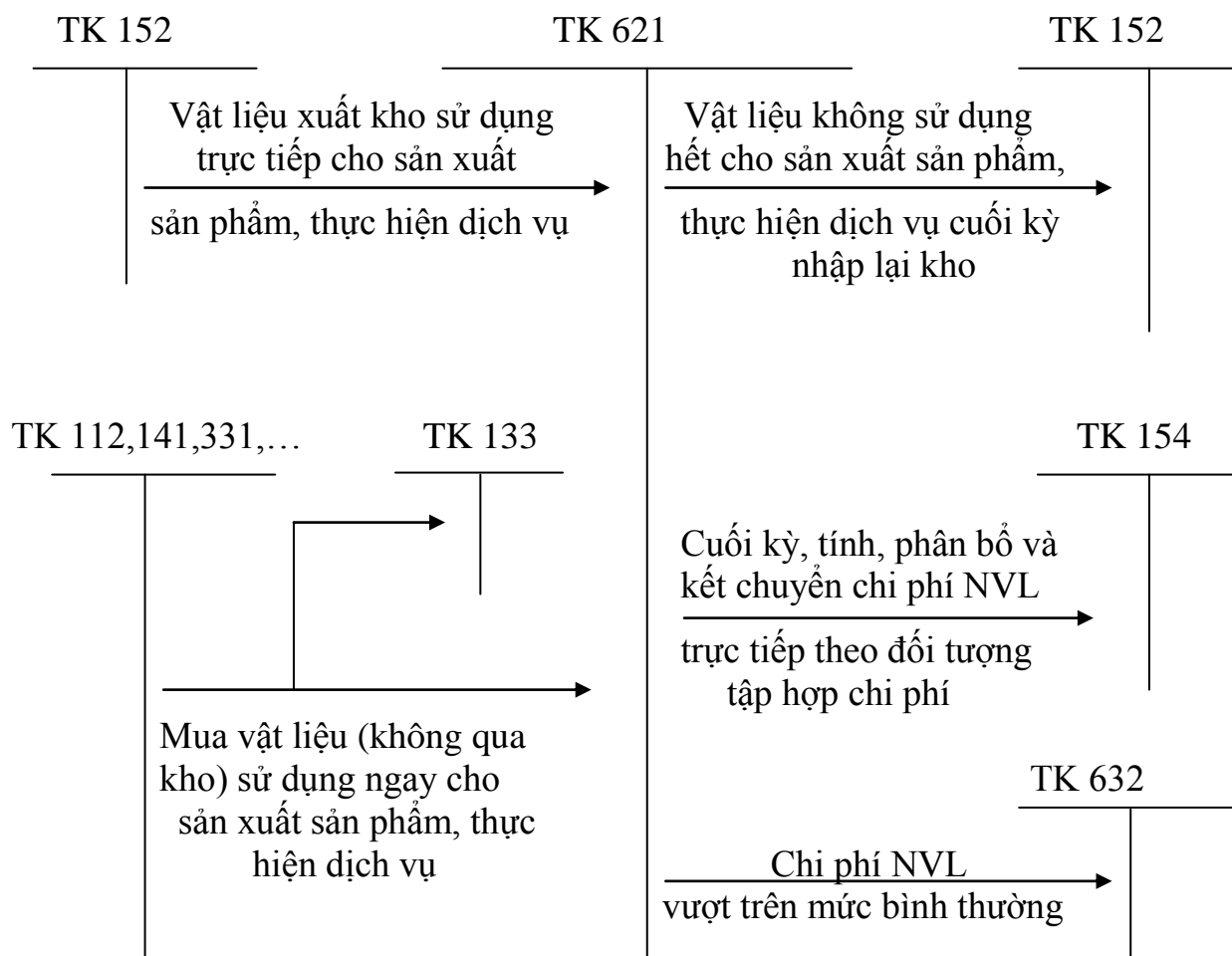
Chi phí NVL trực tiếp thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nhất là đối với các ngành sản xuất công nghiệp. Sau khi xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí, kế toán tiến hành xác định chi phí NVL trực tiếp trong kỳ cho từng đối tượng tập hợp chi phí, tổng hợp theo từng TK sử dụng, lập Bảng phân bổ chi phí NVL làm căn cứ hạch toán tổng hợp chi phí NVL trực tiếp. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tính như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí NVL} \\ \text{trực tiếp} \\ \text{trong kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Trị giá} \\ \text{NVL xuất} \\ \text{sử dụng} \\ \text{trong kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Trị giá NVL} \\ \text{còn lại đầu} \\ \text{kỳ ở địa điểm} \\ \text{sản xuất} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Trị giá NVL} \\ \text{còn lại cuối} \\ \text{kỳ chưa sử} \\ \text{dụng} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Trị giá} \\ \text{phế liệu} \\ \text{thu hồi} \end{array}$$

➤ Chứng từ kế toán sử dụng: Các chứng từ liên quan đến kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp gồm: phiếu xuất kho, bảng phân bổ nguyên vật liệu, hóa đơn kiêm phiếu xuất kho.

Kết cấu TK 621 như sau:

TK 621	
- Tập hợp chi phí nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp cho chế tạo sản phẩm hay thực hiện các lao vụ, dịch vụ.	- Giá trị vật liệu xuất dùng không hết. - Kết chuyển chi phí nguyên, vật liệu trực tiếp.
Tài khoản 621 cuối kì không có số dư	

**Sơ đồ hạch toán:****1.4.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp**

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các loại lao vụ, dịch vụ gồm: Tiền lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp có tính chất lương (phụ cấp khu vực, đất đỏ, độc hại, phụ cấp làm đêm, thêm giờ) các khoản đóng góp cho các quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp do chủ sử dụng lao động chịu và được tính vào chi phí kinh doanh theo một tỷ lệ nhất định với số tiền lương phát sinh của công nhân trực tiếp sản xuất.

➤ Chứng từ kế toán sử dụng: Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương, Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương, ....

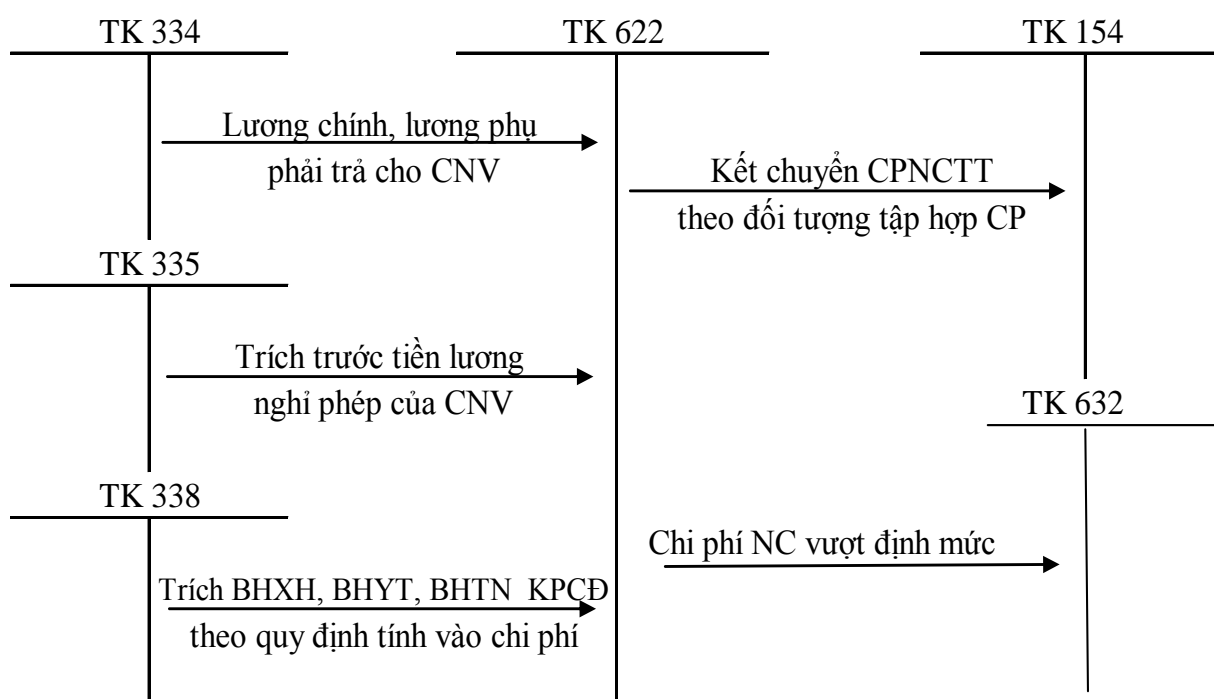
- Kết cấu TK 622 như sau:

## TK 622

- Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm hay thực hiện các lao vụ, dịch vụ.	- Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào tài khoản tính giá thành.
--	--

Tài khoản 622 cuối kì không có số dư

- Sơ đồ hạch toán:



### Sơ đồ 1-3: Sơ đồ hạch toán nhân công trực tiếp

Về nguyên tắc, chi phí nhân công trực tiếp cũng được tập hợp giống như đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp. Trường hợp cần phân bổ gián tiếp thì tiêu chuẩn phân bổ chi phí nhân công trực tiếp có thể là chi phí tiền công định mức (hoặc kế hoạch), giờ công định mức hoặc giờ công thực tế.

#### 1.4.1.3. Kế toán chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung phản ánh các chi phí phục vụ sản xuất, kinh doanh chung phát sinh ở phân xưởng, bộ phận, đội... phục vụ sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ, gồm: lương nhân viên quản lý phân xưởng, bộ phận, đội; khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp

được tính theo tỷ lệ quy định trên tiền lương phải trả của nhân viên phân xưởng, bộ phận, đội sản xuất.

Trường hợp 1 đơn vị sản xuất nhiều loại sản phẩm nhiều công việc thì phải tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho các sản phẩm, công việc có liên quan. Tiêu chức phân bổ có thể là theo chi phí nhân công trực tiếp, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, định mức sản xuất chung.

$$\text{Mức chi phí phân bổ cho từng đối tượng} = \frac{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của từng đối tượng}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}} \times \text{Chi phí cần phân bổ}$$

➤ Chứng từ kế toán sử dụng: Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương phản ánh chi phí nhân công thuộc chi phí sản xuất chung, Bảng phân bổ nguyên vật liệu, CCDC và các chứng từ liên quan, Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, chứng từ gốc liên quan đến chi phí mua ngoài sử dụng cho sản xuất chung.

➤ Kết cấu tài khoản 627.

Bên nợ: Tập hợp chi phí sản xuất chung theo từng phân xưởng, đội tổ sản xuất phát sinh trong kỳ.

Bên có: Kết chuyển, phân bổ chi phí sản xuất chung cho các sản phẩm, công việc để tính giá thành sản phẩm.

❖ Căn cứ để tập hợp và kết chuyển chi phí sản xuất chung:

- Căn cứ vào bảng thanh toán lương phải trả cho công nhân viên phân xưởng, đội tổ sx trong kỳ.

- Căn cứ vào tỷ lệ trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo đúng quy định

- Căn cứ vào phiếu xuất công cụ dụng cụ cho hoạt động sx ở phân xưởng.

- Căn cứ vào phiếu xuất nguyên vật liệu sử dụng chung cho phân xưởng sx.

- Căn cứ vào số liệu trong bảng trích khấu hao TSCĐ ở từng phân xưởng, đội tổ sx.

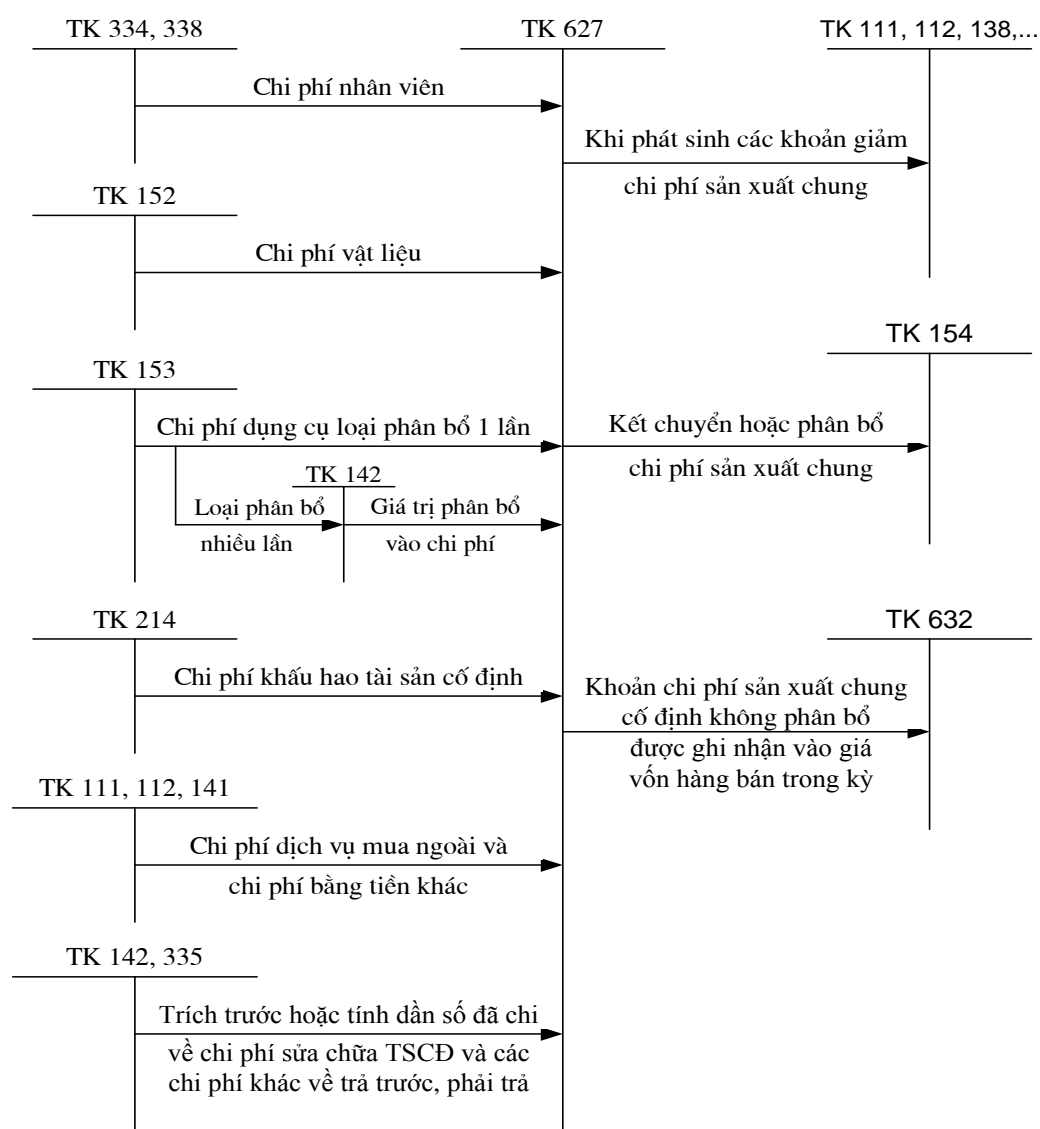
- Căn cứ vào các hoá đơn GTGT phục vụ cho quản lý phân xưởng như: tiền điện nước, tiền điện thoại, tiền sửa chữa TSCĐ với số tiền nhỏ.

- Căn cứ vào các chứng từ có liên quan đến chi phí sx chung như chi tiền mặt, giấy thanh toán tạm ứng,...

Tài khoản 627 có 6 tài khoản cấp hai:

- + TK 6271 - Chi phí nhân viên phân xưởng.
- + TK 6272 - Chi phí vật liệu
- + TK 6273 - Chi phí dụng cụ sản xuất
- + TK 6274 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- + TK 6277 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- + TK 6278 - Chi phí bằng tiền khác

➤ Sơ đồ hạch toán



**Sơ đồ 1- 4: Trình tự hạch toán chi phí sản xuất chung**

*1.4.1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm.*

Để tổng hợp chi phí sản xuất, kế toán sử dụng tài khoản 154 “chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng ngành sản xuất, từng nơi phát sinh chi phí hay từng loại sản phẩm, nhóm sản phẩm, chi tiết sản phẩm... của các bộ phận sản xuất, kinh doanh chính, sản xuất kinh doanh phụ.

➤ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản

Bên nợ:

- Các chi phí NVL trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ liên quan đến sản xuất sản phẩm và chi phí thực hiện dịch vụ.

Bên có:

- Giá thành sản xuất thực tế của sản phẩm đã chế tạo xong nhập kho hoặc chuyển đi bán.

- Chi phí thực tế của khối lượng dịch vụ đã hoàn thành cung cấp cho khách hàng.

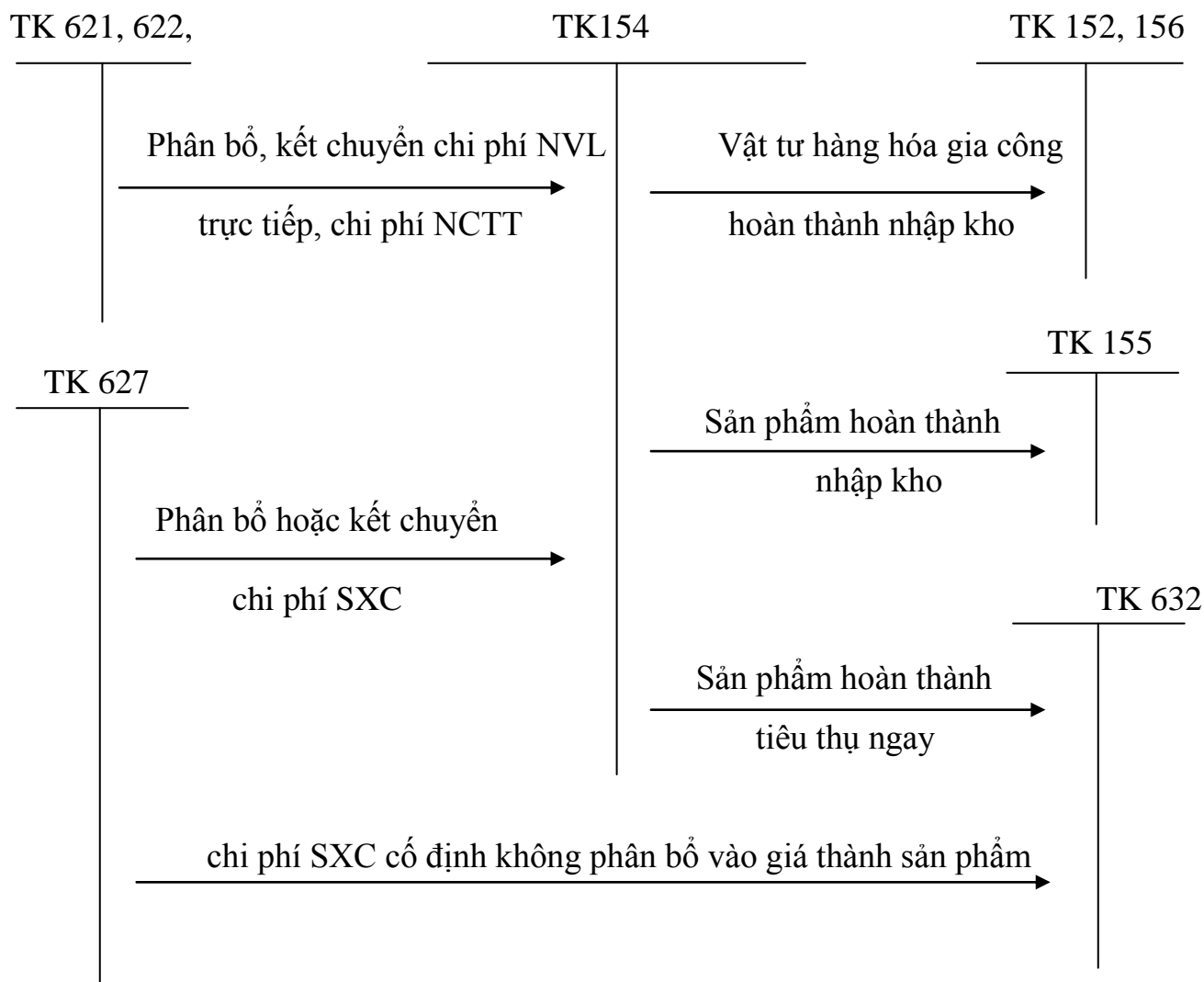
- Trị giá phế liệu thu hồi, giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được.

Số dư bên nợ:

Chi phí sản xuất, kinh doanh còn dở dang cuối kỳ.

➤ Sơ đồ hạch toán:

**Sơ đồ 1.5. Sơ đồ hạch toán tập hợp chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

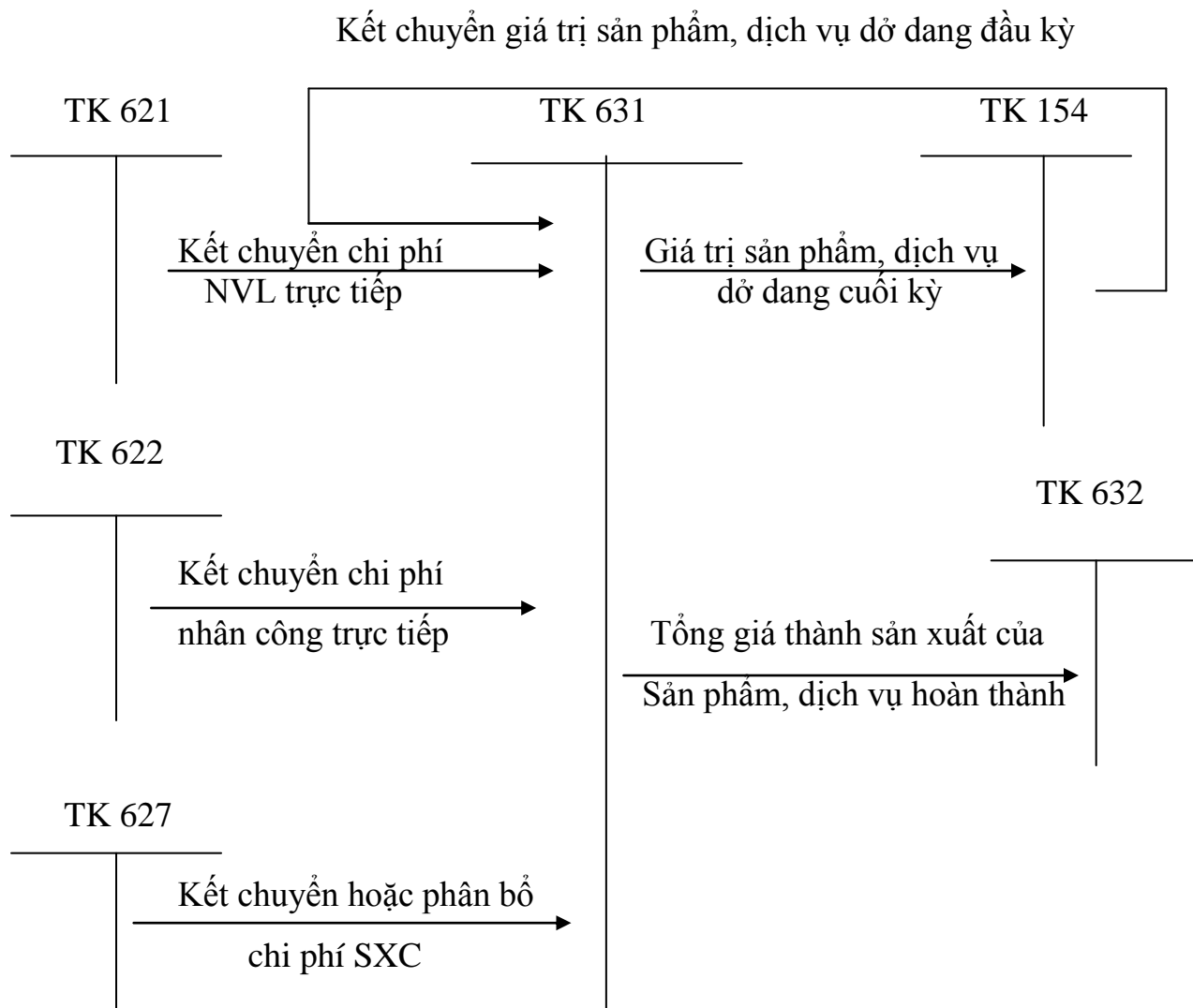


**1.4.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ, các chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ được tập hợp vào các TK621, TK622, TK627. Tuy nhiên do đặc điểm của phương pháp này mà TK154 chỉ sử dụng để phản ánh chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ và cuối kỳ.



**Sơ đồ 1.6. Sơ đồ kế toán tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**



**1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.**

Sổ kế toán tổng hợp: Tùy theo từng hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng, kế toán sẽ tổ chức hệ thống sổ kế toán tương ứng với từng hình thức để thực hiện kế toán các chỉ tiêu tổng hợp về chi phí sản xuất. Nhưng ở hình thức nào cũng có chung hình thức sổ cái tổng hợp, mỗi tài khoản kế toán tổng hợp được mở một sổ cái và nó đều phản ánh một chỉ tiêu về chi phí sản xuất sản phẩm. Nó cung cấp các chỉ tiêu thông tin để lập báo cáo tài chính về chi phí giá

thành. Cụ thể:


- Theo hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”, thì sổ kế toán tổng hợp bao gồm sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 621, TK622, TK 623, TK627, TK 154.

- Theo hình thức kế toán “Nhật ký chứng từ”, hệ thống sổ kế toán tập hợp là các nhật ký chứng từ, sổ cái TK 621, TK622, TK 623, TK 627, TK154, các bảng kê và bảng phân bổ.

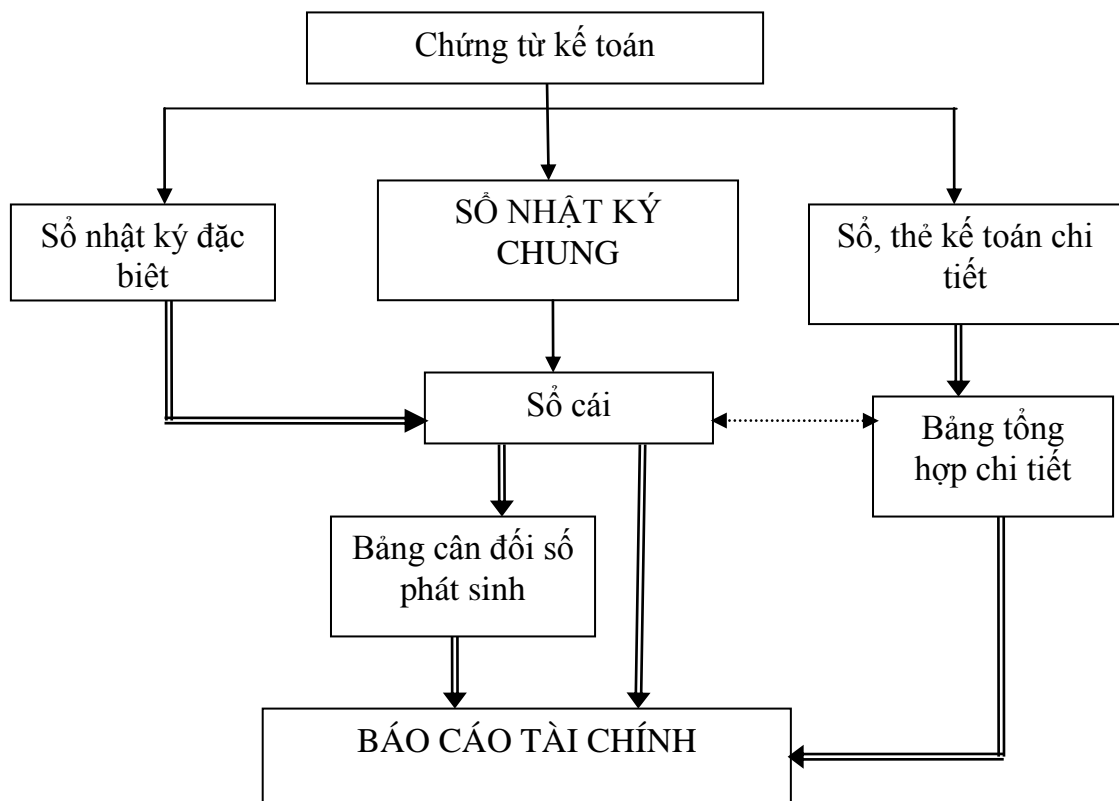
- Theo hình thức kế toán “ nhật ký chung”, hệ thống sổ kế toán tổng hợp bao gồm: sổ nhật ký chung, các sổ nhật ký chuyên dùng, sổ cái TK 621, TK 622, TK 623, TK 627, TK 154.

Sổ kế toán chi tiết: Tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp về chi phí sản xuất và giá thành mà kế toán sẽ mở các sổ chi tiết để kế toán các chỉ tiêu chi tiết về chi phí sản xuất đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin về các doanh nghiệp.

Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính thay thế Quyết định số 1141TC/QĐ/CĐKT ngày 01-11-1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành “ Chế độ kế toán doanh nghiệp” thì ta có các hình thức sổ kế toán như sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính.
-  Hình thức kế toán Nhật ký chung

**Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung được thể hiện qua sơ đồ sau:**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật

ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

## CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT PHÚ ĐƯỜNG.

### 2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường

#### 2.1.1. *Quá trình hình thành và phát triển Công ty.*

Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường được thành lập ngày 12/06/2005 theo giấy phép của UBND quận Kiến An theo số đăng ký kinh doanh là 0202000897. Công ty TNHH và sản xuất Phú Đường được hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trụ sở giao dịch của công ty đặt tại: 17 Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Điện thoại: 0313678657 Fax: 031.367.8657

Mã số thuế: 0200578165

Số vốn điều lệ của công ty là: 11.000.000 đồng

Công ty có tư cách pháp nhân và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động kinh doanh. Công ty được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản riêng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Công Thương. Công ty tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn theo quy định của nhà nước. Công ty thực hiện chức năng kinh doanh theo điều lệ pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế hiện hành.

Sau hơn 5 năm trưởng thành và phát triển, hiện nay công ty đã khẳng định được vị trí của mình trên thị trường và không ngừng mở rộng quy mô và lĩnh vực hoạt động. Công ty đã sử dụng và khai thác các nguồn lực về vốn, lao động, tài sản có hiệu quả. Đồng thời công ty cũng mở rộng quan hệ với các đơn vị bạn, các tổ chức kinh tế trong nước và đã tạo được lòng tin đối với khách hàng. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, phương tiện, trang bị kỹ thuật phục vụ sản xuất và kết quả đạt được là lợi nhuận của công ty không ngừng tăng lên hàng năm, điều đó đã đảm

bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong công ty và giúp công ty phục vụ tái sản xuất. Qua đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của công ty trong thời gian qua và giúp công ty khẳng định được vị thế, đứng vững trên thị trường.

### **2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.**

#### ❖ Mặt hàng sản xuất.

Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường sản xuất các mặt hàng là bánh mì ruốc, bánh mì bông lan, bánh mì bơ sữa, bánh mì stass... để đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước.

#### ❖ Đặc điểm của sản phẩm.

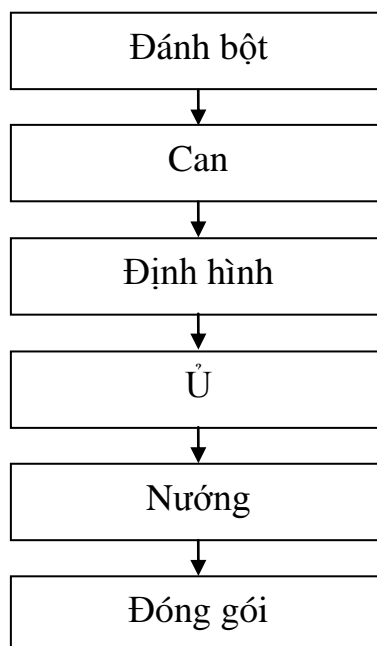
Sản phẩm được sản xuất với nguồn nguyên liệu từ trong nước. Sản phẩm sản xuất ra được hoàn thành và đưa ra tiêu thụ trong nước.

#### ❖ Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm tại Công ty

Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường sản xuất sản phẩm trên dây chuyền công nghệ hiện đại kể từ khi đưa nguyên liệu vào sản xuất cho đến khi nguyên liệu được hoàn thành, cho nên sản phẩm sản xuất ra có chất lượng cao

### **QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÓ QUY TRÌNH**

**CHUNG NHƯ SAU:**



Từ quy trình sản xuất sản phẩm thì ta thấy do quy trình sản xuất sản phẩm đơn giản từ khâu đánh bột đến khâu đóng gói thì mất khoảng 1 ngày.

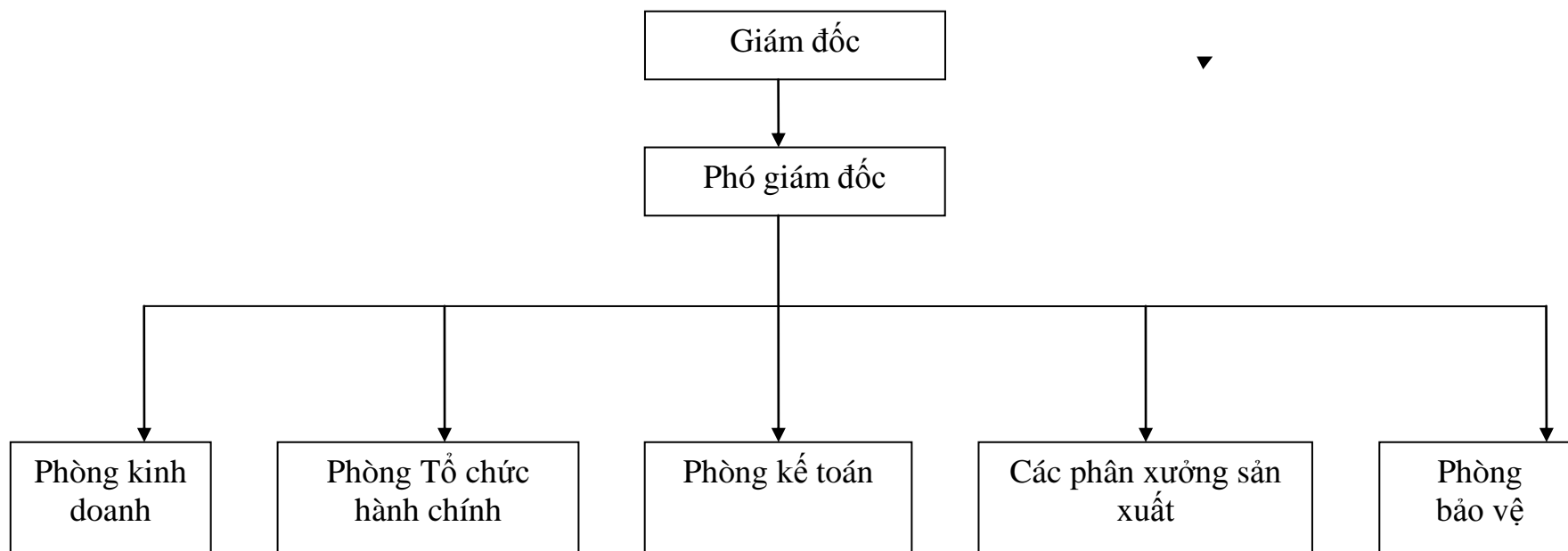
**2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.**

Công ty TNHH và sản xuất Phú Đường là đơn vị sản xuất kinh doanh độc lập. Công ty đã tổ chức mô hình quản lý kiểu trực tuyến chức năng với phương châm sử dụng lao động gọn nhẹ, nâng cao đội ngũ cán bộ có trình độ nghiệp vụ với bộ máy quản lý hoàn chỉnh, các phòng ban được phân định rõ ràng cụ thể.

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty gồm 2 cấp:

Cấp 1: Giám đốc, Phó Giám đốc.

Cấp 2: Các phòng ban, phân xưởng



*Sơ đồ - 2.1. Sơ đồ bộ máy của Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.*



**Qua sơ đồ ta thấy chức năng của các phòng ban như sau:**

- **Giám đốc:** là người trực tiếp quản lý cao nhất của công ty, là người đại diện pháp nhân của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước nhà nước về các hoạt động của công ty và đại diện cho các quyền lợi của toàn bộ nhân viên trong công ty. Giám đốc đưa ra các đường lối, chính sách, phương hướng hoạt động của công ty. Giám đốc là người duy nhất ký duyệt mọi chứng từ chi tiêu phục vụ cho mọi hoạt động của Công ty và các quyết định chứng từ, khen thưởng bằng vật chất cho người lao động, hoặc khách hàng. Giám đốc được uỷ quyền cho Phó Giám Đốc điều hành công việc theo chức năng khi giám đốc vắng mặt.

- **Phó giám đốc:** chịu trách nhiệm giúp giám đốc theo những công việc chuyên trách được phân công, làm tròn nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về hoạt động SXKD và những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình. Chỉ đạo các phòng ban thực hiện đúng kế hoạch. Thay quyền giám đốc đi vắng khi có uỷ quyền.

**Phòng kinh doanh:** Giúp Giám đốc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty và chịu trách nhiệm nắm chắc toàn bộ nội dung công việc kỹ thuật sản xuất và kế hoạch cung ứng vật tư, giải quyết thay trực tiếp cho nhân viên dưới quyền khi vắng mặt.

**Phòng kế toán:** Chịu trách nhiệm về vấn đề tài chính, kinh tế. Tham mưu cho lãnh đạo về mặt kinh tế, thống kê thực hiện nghĩa vụ với nhà nước, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, theo dõi tình hình lao động toàn công ty.

**Phòng Tổ chức hành chính:** Quản lý cơ cấu lao động và tình hình biến động về lao động của Công ty.

**Các phân xưởng sản xuất:** Có nhiệm vụ sản xuất các sản phẩm, đảm bảo cho quá trình sản xuất diễn ra liên tục, sản phẩm được hoàn thành theo đúng tiến độ hợp đồng. Tổ trưởng sản xuất quản lý giao việc trực tiếp cho người lao động của tổ và cùng với tổ phó tổ chức lao động và hoàn thành công việc mà quản đốc giao.

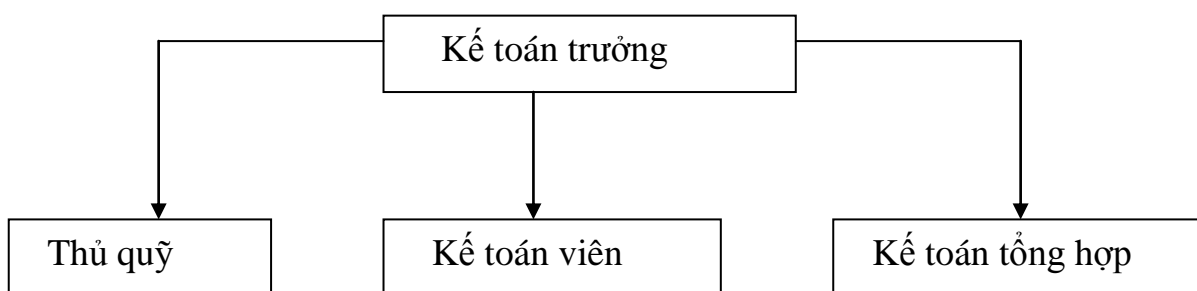
**Phòng bảo vệ:** Giúp giám đốc trong công tác bảo vệ, tổng hợp tình hình chung của Công ty về an ninh trật tự.

Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường tổ chức theo cơ chế trực tiếp và có mối quan hệ thống nhất, mỗi phòng ban đảm nhiệm một chức năng cụ thể để quản lý theo chuyên môn của mình. Với cơ cấu tổ chức quản lý này, đội ngũ tổ chức trong công ty và các chỉ thị không bị chồng chéo nhau, vì thế có thể quản lý dài bằng các tuyến theo quyền lực quản lý.

#### **2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.**

##### **2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán**

**Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung.**



#### **Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.**

Trong đó:

- **Kế toán trưởng:** Phụ trách công tác kế toán chung cho Công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: theo dõi ngân hàng, nhà cung cấp, các khoản phải thu, theo dõi TSCĐ, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

- **Kế toán tổng hợp:** Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu tiền lương, NVL, giá thành, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ để có thể

cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc hoặc phó giám đốc.

- **Kế toán viên:** Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả số liệu bán hàng, kế toán bán hàng, tiền lương, NVL, HH, tiền mặt, và các khoản công nợ phải thu phải trả để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc hoặc phó giám đốc. Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho vật tư, hàng hoá về mặt số lượng và tiền. Xuất, nhập, bảo quản kho vật tư, hàng hóa theo quy định của công ty.

- **Thủ quỹ:** Xuất, nhập quỹ tiền mặt theo phiếu thu phiếu chi đã được phê duyệt, quản lý, bảo quản tiền mặt. Lập sổ quỹ và báo cáo quỹ hàng ngày, ghi chép liên tục các khoản thu chi quỹ tiền mặt và tính ra số tồn quỹ tại mọi thời điểm. Chịu trách nhiệm về số tồn quỹ trên sổ và số tồn quỹ thực tế.

*2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.*

Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định về hệ thống tài khoản do Bộ tài chính ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC.

*2.1.4.3. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán*

- Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ 01/01 đến hết 31/12 hàng năm)

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

- Đơn vị tính: đồng

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

+ Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc

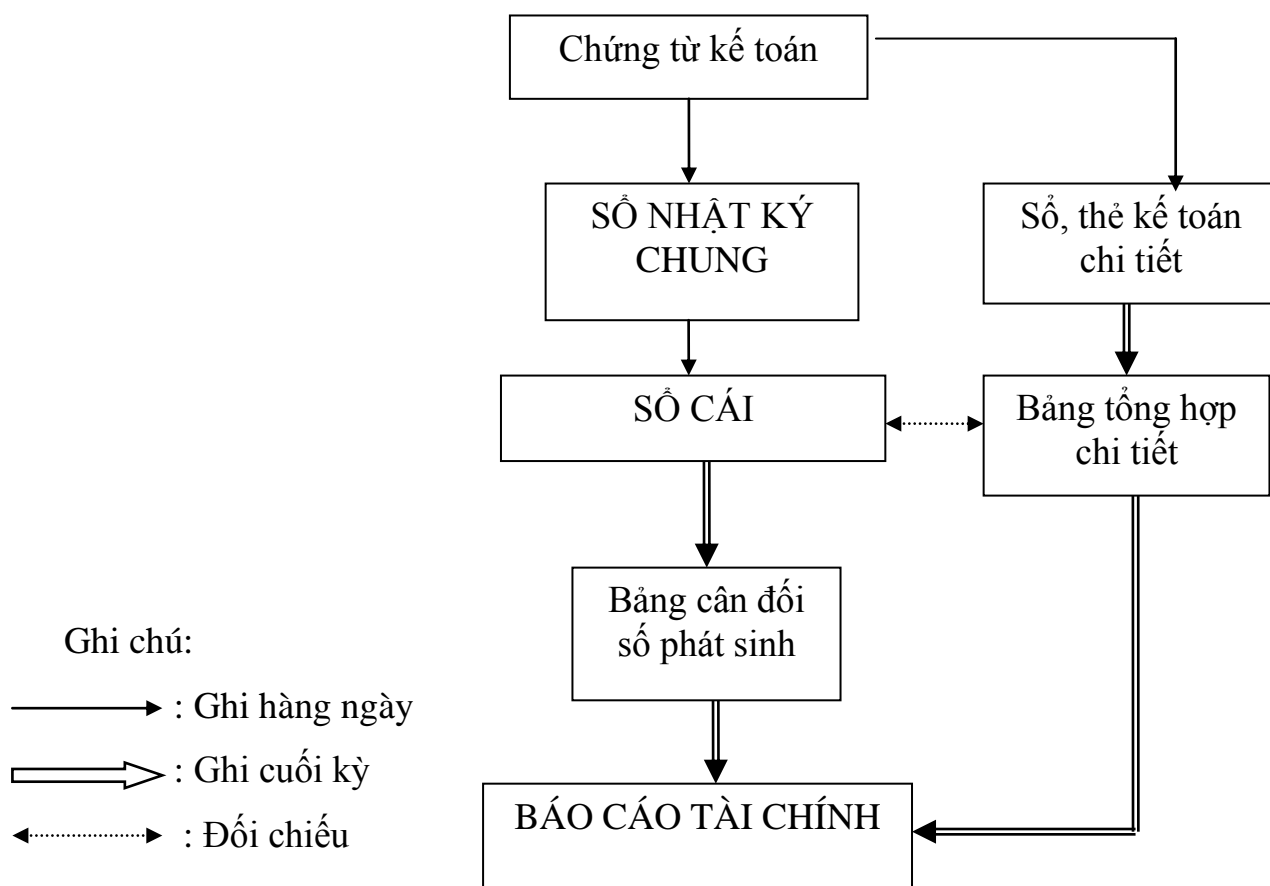
+ Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: Nguyên vật liệu theo phương pháp nhập trước xuất trước, thành phẩm tính theo phương pháp bình quân cả quyền dự trữ.

- Phương pháp khấu hao tài sản cố định áp dụng: Khấu hao đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

2.1.4.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách và hình thức kế toán tại công ty

- Sổ kế toán tổng hợp: Sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản.
- + Sổ nhật ký chung: là loại sổ kế toán tổng hợp ghi theo các chứng từ phát sinh trong tháng, đảm bảo an toàn cho các chứng từ ghi sổ, có tác dụng đối chiếu với các số liệu ghi ở sổ cái.
- + Sổ cái các tài khoản: là sổ kế toán tổng hợp ghi theo các tài khoản kế toán.
- Sổ chi tiết: sổ chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, thành phẩm, sổ chi tiết chi phí sản xuất từng loại sản phẩm.
- Hình thức kế toán tại công ty: Công ty áp dụng phương pháp kế toán theo hình thức Nhật ký chung để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong niên độ.

**TRÌNH TỰ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG**



(1) Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ Cái TK có liên quan. Trường hợp các hoạt động kế toán tài chính có liên quan đến đối tượng cần hoạch toán, đồng thời căn cứ vào các chứng từ gốc để ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào số liệu trên các sổ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết. Trước khi lập bảng cân đối số phát sinh kế toán phải đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết để kiểm tra tính chính xác của số liệu. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

#### *2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính.*

Công ty tổ chức lập báo cáo tài chính theo năm. Hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- |  |                  |
|--|------------------|
| - Bảng cân đối kế toán                 | Mẫu số B 01 - DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B02 - DN  |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | Mẫu số B03 - DN  |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính    | Mẫu số B09 - DN  |

Ngoài ra doanh nghiệp còn lập báo cáo thuế...

## **2.2. Thực trạng tổ chức kế toán công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.**

### ***2.2.1. Kế toán chi phí sản xuất tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.***

#### *2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất.*

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, công ty phải bỏ ra những chi phí sản xuất bao gồm chi phí NVL, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung. Vậy để quản lý chặt chẽ những khoản chi phí trên công ty cũng phải tiến hành phân loại từng nhân tố sản xuất trong cơ cấu giá thành nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý.

Việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải phân tích theo từng khoản mục chi phí. Từ đó làm cơ sở so sánh kiểm tra việc thực hiện các khoản mục chi phí với từng khoản mục giá thành dự toán và giúp cho việc phân tích đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kì.

Cũng như các doanh nghiệp sản xuất khác Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường phân loại chi phí theo 3 khoản mục như sau:

➤ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng được sử dụng phục vụ cho quá trình trong sản xuất bánh mỳ của công ty. Các loại vật liệu sử dụng phục vụ cho sản xuất thường được mua từ bên ngoài về nhập kho. Nguyên vật liệu chính để sản xuất bánh mỳ: Bột mỳ, ruốc, nho, Slicex.... Nguyên vật liệu phụ để sản xuất bánh mỳ: Phụ gia, Kularome, Admul...

➤ Chi phí nhân công trực tiếp: Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản tiền lương, tiền công được trả theo số ngày công của công nhân trực tiếp sản xuất tại phân xưởng. Số ngày công bao gồm cả lao động chính, lao động phụ và cả công tác chuẩn bị và hoàn thiện sản phẩm. Bao gồm: tiền lương chính, phụ cấp, tiền lương làm thêm giờ.

➤ Chi phí sản xuất chung: Chi phí sản xuất chung được tính trong giá thành sản phẩm bao gồm những chi phí phục vụ cho quá trình sản xuất chung mang tính chất chung của toàn phân xưởng. Chi phí sản xuất chung bao gồm các chi phí liên quan sau:

- Chi phí nhân viên phân xưởng: bao gồm các khoản tiền lương của nhân viên ở bộ phận QLPX

- Chi phí khấu hao TSCĐ: Bao gồm chi phí khấu hao tài sản cố định phục vụ sản xuất sản phẩm.

- Chi phí công cụ dụng cụ: Bao gồm toàn bộ công cụ dụng cụ toàn doanh phục vụ trong quá trình sản xuất.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Tiền điện, tiền sửa chữa TSCĐ...

- Chi phí khác bằng tiền : Tiền mua khẩu trang cho người lao động....

Các chi phí trên phát sinh ở các phân xưởng sản xuất với tính chất chi phí phát sinh chung toàn doanh nghiệp nên đối tượng chịu chi phí là tất cả sản phẩm(toàn doanh nghiệp), do đó để hạch toán chi tiết xác định chi phí sản xuất chung cho từng sản phẩm, kế toán tiến hành phân bổ theo tiêu thức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

#### 2.2.1.2. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.

✓ Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

Cũng như hầu hết các công ty sản xuất khác trong ngành, công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường luôn coi trọng đúng mức việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất. Xuất phát từ đặc điểm sản xuất của công ty, từ đặc thù của sản phẩm sản xuất và để đáp ứng tốt nhất yêu cầu của công tác quản lý, công tác kế toán... đối tượng tập hợp chi phí để tính giá thành cho quá trình sản xuất sản phẩm được sử dụng là kết hợp tập hợp chi phí sản xuất cho từng loại sản phẩm và cho toàn doanh nghiệp.

✓ Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất:

Công ty sử dụng phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp cho từng sản phẩm đối với chi phí NVLTT, chi phí NCTT. Các chi phí liên quan đến chi phí NVLTT, chi phí NCTT thì tập hợp theo từng sản phẩm. Chi phí sản xuất chung được công ty tập hợp cho toàn doanh nghiệp sau đó cuối kỳ được phân bổ cho từng sản phẩm theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

#### 2.2.1.3. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp để là toàn bộ hao phí về nguyên liệu, dùng để trực tiếp cho sản xuất sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ sản xuất. Sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường bao gồm:

✚ Nguyên vật liệu chính được sử dụng cho sản xuất sản phẩm:

- Bánh mì ruốc: Bột mì, ruốc, Slicex...
- Bánh mì bông lan nho: Bột mì, nho,....
- Bánh mì bơ sữa: Bột mì, bột sữa, hương liệu bơ

- Bánh mỳ stass: Bột mỳ, đường, màu cam
- Bánh mỳ Toke: Bột mỳ, đường, tinh sữa mari...

✚ Nguyên vật liệu phụ được sử dụng cho sản xuất sản phẩm:

- Bánh mỳ ruốc: Dầu, Bacom A100, Kularome,.....
- Bánh mỳ bông lan nho: Admul, Shoorr CM52, Rikemal SSL - 1000.....
- Bánh mỳ bơ sữa: Dầu Short, tinh sữa mari, AIC 45A (25kg / carton)
- Bánh mỳ stass: Rimulsoft Super (V), Bakers Mate Mold Free 7.....
- Bánh mỳ Toke: Hương liệu bơ, Hương sữa, Pasteurised egg albumen...

✓ **Chứng từ sử dụng:**

Để hạch toán chi phí NVL trực tiếp, kế toán sử dụng các chứng từ sau:

- + Phiếu xuất kho
- + Phiếu yêu cầu xuất nguyên vật liệu và các chứng từ khác có liên quan.

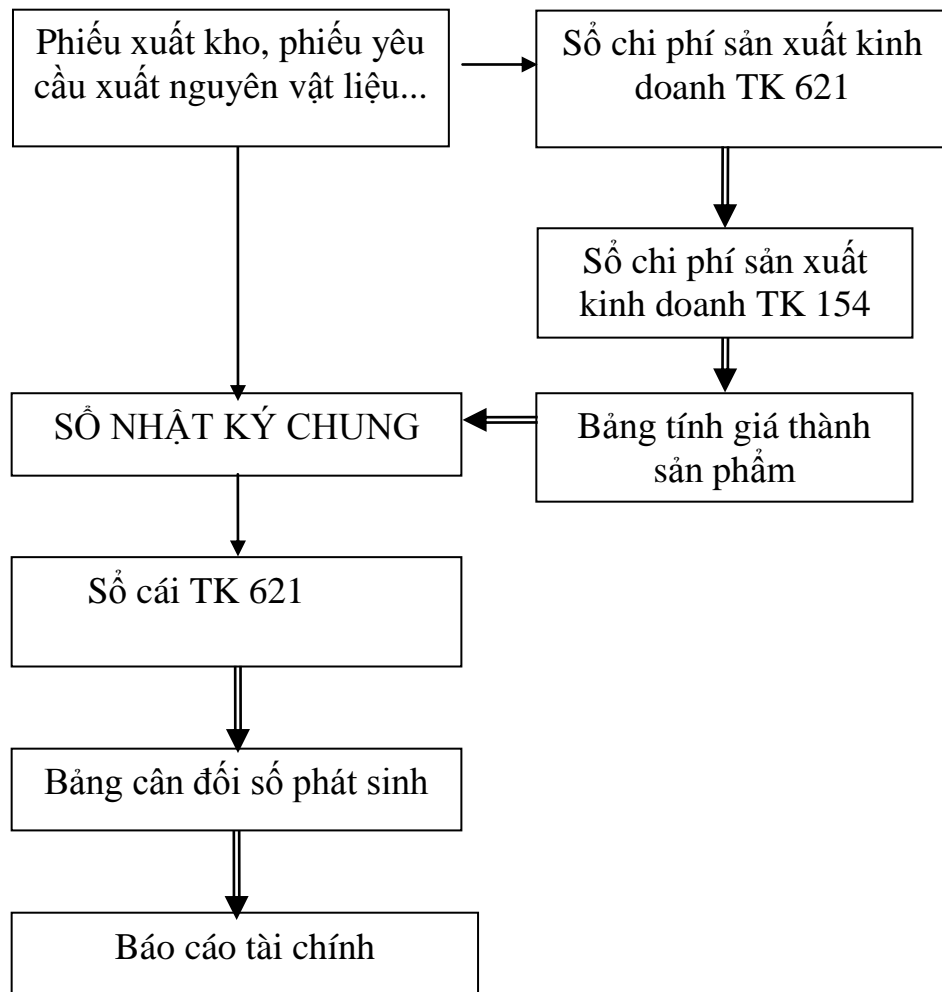
✓ **Tài khoản sử dụng**

Hiện nay, TK 621 - "Chi phí NVL trực tiếp " được mở tài khoản cấp 2 để theo dõi cho từng loại sản phẩm (Công ty sản xuất 5 loại bánh mỳ)

- + TK 6211: Chi phí NVL TT cho bánh mỳ ruốc
- + TK 6212: Chi phí NVL TT cho bánh mỳ bông lan
- + TK 6213: Chi phí NVL TT cho bánh mỳ bơ sữa
- + TK 6214: Chi phí NVL TT cho bánh mỳ Stass
- + TK 6215: Chi phí NVL TT cho bánh mỳ Toke



## ✓ Quy trình hạch toán



Ghi chú:

————&gt; Ghi hàng ngày

====&gt; Ghi cuối kỳ

←.....&gt;: Đối chiếu

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu xuất kho, phiếu yêu cầu xuất nguyên vật liệu... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK có liên quan như

TK 621...

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi phí sản xuất kinh doanh

TK 621 lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154. Từ sổ chi phí sản xuất kinh doanh kế toán lập bảng tính giá thành tính giá thành sản phẩm sản xuất ra trong quý. Căn cứ vào số liệu từ bảng tính giá thành kế toán vào sổ nhật ký chung.

Căn cứ vào quy trình sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp thì tổ trưởng của các tổ viết phiếu xin lĩnh vật tư. Phiếu này phải có chữ ký của quản đốc phân xưởng và phiếu này phải được lập thành 2 liên: Phân xưởng lưu 1 liên và thủ kho lưu 1 liên.

**Biểu số 2.1:**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT PHÚ ĐƯỜNG

17 Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

MST: 0200578165

**PHIẾU YÊU CẦU XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU**

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

Họ tên người yêu cầu: Bùi Thị Quyên .....

Lý do xuất: Phục vụ sản xuất bánh mỳ .....

STT	Tên quy cách, nhãn hiệu VT, HH, SP	Mã số	ĐVT	Khối lượng
1	Bột mỳ Sao La		kg	150
2	Bột mỳ Whey		kg	150
3	Ruốc		kg	60
4	Dầu Olien		kg	285
5	Bơ thơm Cái lân		kg	100

Người lập  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

Căn cứ vào Phiếu xin lĩnh vật tư, thủ kho tiến hành kiểm tra kho có đủ vật tư để đáp ứng cho sx và phù hợp với định mức vật tư hay không. Nếu đáp ứng được yêu cầu thì thủ kho đưa Phiếu lĩnh vật tư để kế toán tiến hành viết phiếu xuất kho.

Nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Ví dụ: Ngày 09/12/2010 xuất 1500 kg Bột mì Sao la cho sản xuất bánh mì ruốc. Trong đó: - Số dư đầu kỳ: 750kg đơn giá 10.230 đ/kg

- Nhập trong kỳ: 5000 kg đơn giá 10.530 đ/kg

Trị giá thực tế bột mì Sao la xuất kho =  $1500 * 10.230 = 15.345.000$

Căn cứ vào phiếu xuất số 35/12 và các chứng từ có liên quan kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 621: 34.931.250

Có TK 152: 34.931.250

- Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.3) đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621 (Biểu số 2.4). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 621 (Biểu số 2.5).

- Cuối quý, căn cứ vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 621 kế toán sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154. Từ sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi TK 154 kế toán lập bảng tính giá thành tính giá thành sản phẩm sản xuất ra trong quý.

**Biểu số 2.2**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SX PHÚ ĐƯỜNG  
17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số 02 - VT  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**  
Ngày 09 tháng 12 năm 2010  
Số 35/12

Nợ: 621  
Có: 152

Họ và tên người nhận hàng: Bùi Thị Quyên  
Lý do xuất kho: Xuất nguyên liệu phục vụ sản xuất  
Xuất tại kho: cty

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hoá)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
<b>1</b>	<b>Bột mỳ sao la</b>		<b>kg</b>	<b>150</b>	<b>150</b>	<b>10.230</b>	<b>15.345.000</b>
2	Bột sữa Whey		kg	150	150	25.000	3.750.000
3	Ruốc		kg	60	60	132.405	7.944.300
4	Dầu Oliên		kg	285	285	19.270	5.491.950
5	Bơ thơm Cái Lân		kg	100	100	24.000	2.400.000
	Cộng						34.931.250

Tổng số tiền: Ba mươi tư triệu chín trăm ba mươi một nghìn hai trăm lăm mươi đồng.

Ngày 09 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.3**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ  
SX PHÚ ĐƯỜNG.

17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số S03A - DN

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ -  
BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	.....	...	...	...
8/12	HĐGTGT 0077754	8/12	Mua bột mỳ của Cty CP Tiên Hưng	152 111	380.218.000	380.218.000
8/12	HĐGTGT 0077754	8/12	Thuế GTGT được khấu trừ	1331 111	38.021.800	38.021.800
<b>09/12</b>	<b>PX 35/12</b>	<b>09/12</b>	<b>Xuất bột mỳ cho sx</b>	<b>621 152</b>	<b>34.931.250</b>	<b>34.931.250</b>
15/12	PC 29/12	15/12	Trả nợ người bán - Cty Nam Giang	331 111	82.700.350	82.700.350
17/12	PC 32/12	17/12	Trả nợ người bán - Cty Hoàng Lâm	331 111	27.500.000	27.500.000
19/12	PX 48/12	19/12	Xuất NVL cho sx	621 152	149.880.697	149.880.697.
.....	.....	....	.....	.....	.....	.....
28/12	PC 46/12	28/12	Gửi tiền vào tài khoản của công ty	112 111	80.000.000	80.000.000
28/12	PX50/12	28/12	Xuất NVL cho sx	621 152	160.567.390	160.567.390
...	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng phát sinh		38.425.005.800	38.425.005.800

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.4**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SX PHÚ ĐƯỜNG  
17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S36 - DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Tên tài khoản: CP NVL TT  
Tài khoản: 6211

Tên sản phẩm, dịch vụ: Bánh mì ruốc  
Tên phân xưởng: tổ 1

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra				
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Bột ngọt	Màng bánh mì	Bột mì	Ruốc	Nguyên vật liệu khác
5/11	PX 15/11	5/11	Xuất Bột ngọt 25kg	152	46.432.500		46.432.500				
5/11	PX 16/11	5/11	Xuất màng bánh mì	152	15.000.000			15.000.000			
.....	...	.....	.....	.....	.....		.....				
<b>10/12</b>	<b>PX 35/12</b>	<b>10/12</b>	<b>Xuất nguyên liệu</b>	<b>152</b>	<b>34.931.250</b>				<b>15.345.000</b>	<b>7.944.300</b>	<b>11.641.950</b>
10/12	PX 36/12	10/12	Xuất Bột lòng trắng trứng gà	152	39.295.600						39.295.600
11/12	PX 37/12	11/12	Xuất Bột mì Đông Hồ cho sx	152	22.500.000				22.500.000		
31/12	K/c	31/12	Kết chuyển CP NVLTT	154		1.232.349.282					
			Cộng số phát sinh		1.232.349.282	1.232.349.282	139.297.500	141.387.132	353.535.000	270.832.900	327.296.750

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.5**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ  
SX PHÚ ĐƯỜNG  
17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số S03B - DN  
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ -  
BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: TK 621

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
.....	....	.....	.....	.....	.....	.....
5/11	PX 15/11	5/11	Xuất Bột ngọt 25kg cho sx	152	46.432.500	
5/11	PX 16/11	5/11	Xuất màng bánh mỳ cho sx	152	15.000.000	
.....	....	.....	.....	.....	.....	.....
9/12	PX 22/12	9/12	Xuất Dầu bơ mari	152	5.154.000	
<b>10/12</b>	<b>PX 35/12</b>	<b>10/12</b>	<b>Xuất nguyên liệu cho sx</b>	<b>152</b>	<b>34.931.250</b>	
10/12	PX 36/12	10/12	Xuất Bột lòng trắng trứng gà	152	39.295.600	
11/12	PX 37/12	11/12	Xuất Bột mỳ Đông Hồ cho sx	152	22.500.000	
12/12	PX 38/12	12/12	Xuất bột mỳ cho sx	152	20.460.000	
.....	....	.....	.....	.....	.....	.....
30/12	PX 45/12	30/12	Xuất bột mỳ Con Hươu cho sx	152	14.130.000	
.....	....	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 18	31/12	Kết chuyển CP NVLTT	154		2.532.349.282
			Cộng phát sinh quý		2.532.349.282	2.532.349.282

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

#### 2.2.1.4. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.

##### Nội dung của chi phí nhân công trực tiếp.

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các loại lao vụ, dịch vụ gồm: Tiền lương chính, lương phụ, các khoản phụ cấp, tiền trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN theo số tiền lương của công nhân sản xuất.

Quy trình công nghệ sản xuất bánh mì từ khâu đánh bột cho đến khâu đóng gói chỉ mất khoảng 1 ngày. Mà mỗi loại bánh mì cần 1 loại dây chuyền sản xuất khác nhau nên công nhân của Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường được sắp xếp làm theo dây chuyền sản xuất từng loại bánh mì. Nên chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp cho từng loại sản phẩm làm ra.

**Chứng từ sử dụng:** Kế toán chi phí nhân công trực tiếp sử dụng những loại chứng từ sau:

- + Bảng chấm công: Mẫu số 01- LĐTL (BB).
- + Bảng thanh toán tiền lương: Mẫu số 02- LĐTL (BB).
- + Phiếu nghỉ hưởng BHXH: Mẫu số 03- (BB).
- + Bảng thanh toán BHXH.
- +.....

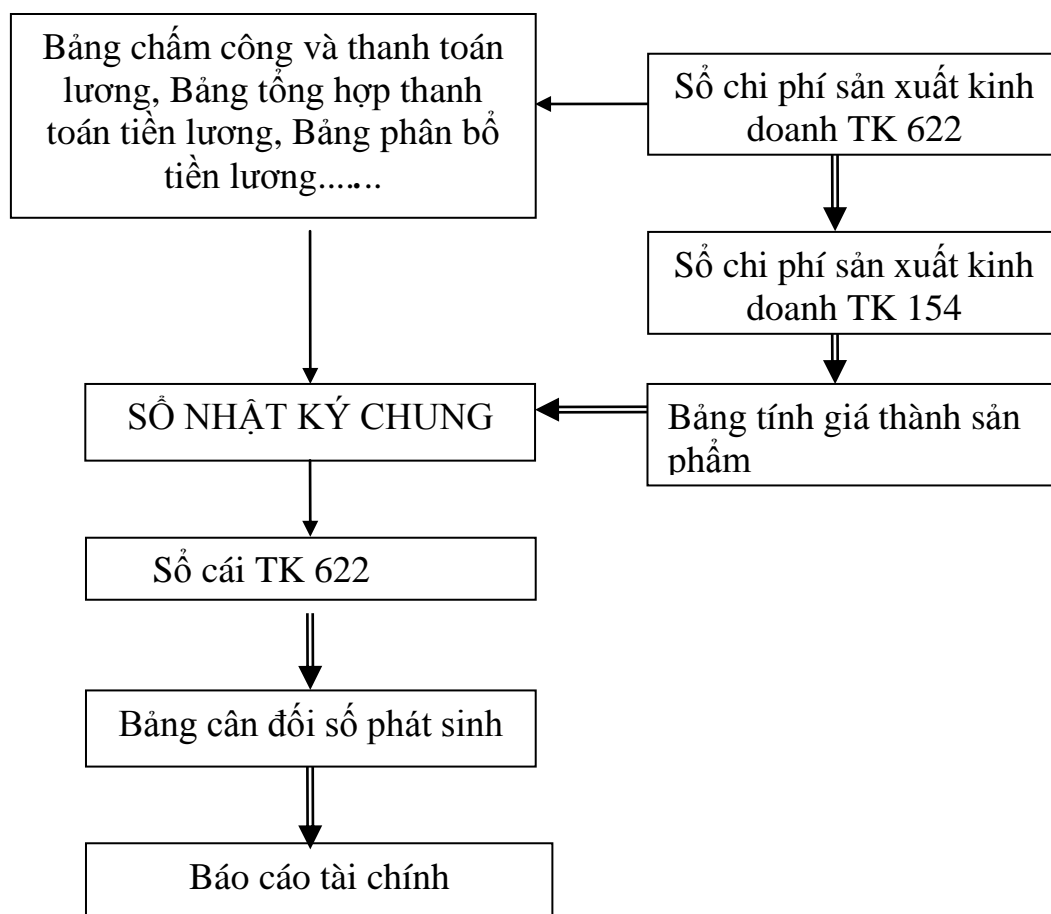
##### Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng tài khoản 622- Chi phí nhân công trực tiếp để tập hợp toàn bộ chi phí nhân công trực tiếp dùng trong kỳ. Hiện nay, công ty mở tài khoản cấp 2 của TK 622 để theo dõi chi phí nhân công trực tiếp cho từng tổ sản xuất bánh mì trong tháng (5 loại sản xuất bánh mì theo 5 dây chuyền sản xuất)

- + TK 6221: Chi phí NC TT cho bánh mì ruốc
- + TK 6222: Chi phí NC TT cho bánh mì bông lan nho
- + TK 6223: Chi phí NC TT cho bánh mì bơ sữa
- + TK 6224: Chi phí NCTT cho bánh mì Stass
- + TK 6225: Chi phí NCTT cho bánh mì Toke



🚦 Quy trình hạch toán



GGhi chú:

—————> : Ghi hàng ngày

=====> : Ghi cuối kỳ

←.....→ : Đối chiếu

- Hàng ngày, căn cứ vào Bảng chấm công... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái các TK có liên quan như TK 622...

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi CP NCTT lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154. Từ sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154 kế toán lập bảng tính giá thành sản phẩm sản xuất ra trong quý. Từ bảng tính giá thành kế toán vào sổ nhật ký chung.

Hàng tháng, căn cứ vào Bảng chấm công của đơn vị (gồm phòng ban và tổ) và các chứng từ khác có liên quan đến lao động tiền lương của từng đơn vị

chăm công và có thủ trưởng đơn vị xác nhận, ký duyệt. Phòng kế toán kiểm tra và tính ra tiền lương của từng đơn vị.

Sau khi tính ra lương của các đơn vị, kế toán trưởng sẽ tập hợp tổng tiền lương phải trả phát sinh trong tháng theo từng đối tượng được hưởng lương và lập Bảng phân bổ tiền lương của toàn công ty.

Các khoản trích theo lương công ty tính như sau:

- BHXH: Tính bằng 22% trên tổng quỹ lương cơ bản

Trong đó: 16% tính vào chi phí sxkd

6% khấu trừ vào lương của người lao động

- BHYT: Tính bằng 4,5% trên tổng quỹ lương cơ bản

Trong đó 3% tính vào chi phí sxkd

1,5 % khấu trừ vào lương của người lao động

Hiện nay, ở công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường áp dụng hình thức trả lương theo thời gian.

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương} \\ \text{tháng của} \\ \text{1 công nhân} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Mức lương} \\ \text{tối thiểu} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Hệ số} \\ \text{lương} \end{array} * \begin{array}{l} \text{Số ngày làm} \\ \text{việc thực tế} \\ \text{trong tháng} \end{array}}{\text{Số ngày công làm việc theo quy định trong tháng}}$$

Lương phải trả cho 1 công nhân = Lương thời gian + các khoản phụ cấp.

Ngoài ra công ty còn trả lương cho công nhân theo hệ số năng suất. Hệ số năng suất tính trên bình bầu của công ty. Để có thể nâng cao tinh thần làm việc của người công nhân. Từ đó giúp họ hăng hái lao động làm việc có hiệu quả hơn.

Công ty dựa vào số sản phẩm làm ra đúng quy cách, chất lượng, mẫu mã, chủng loại, số ngày công làm việc thực tế để bình bầu hệ số năng suất.

- Công nhân đi làm đủ 26 ngày công, làm ra nhiều sản phẩm có chất lượng tốt thì hệ số năng suất là 1

- Công nhân đi làm từ 24 - 25 ngày công, làm ra nhiều sản phẩm có chất lượng tốt thì hệ số năng suất là 0,8

- Công nhân đi làm từ 24 - 25 ngày công nhưng chưa làm ra nhiều những

sản phẩm đúng mẫu mã, chất lượng thì hệ số năng suất là 0,5

- Công nhân đi làm từ dưới 20 ngày công, tinh thần trách nhiệm trong công việc chưa cao, làm ra những sản phẩm không đúng chất lượng, mẫu mã.. thì hệ số năng suất sẽ là 0

$$\text{Lương của hệ số năng suất} = \frac{\text{Lương tối thiểu} * \text{Hệ số năng suất} * \text{Hệ số lương} * \text{Ngày công thực tế}}{\text{Số ngày công làm việc thực tế theo quy định trong tháng}}$$

**Ví dụ:** Tính lương phải trả công nhân Đặng Quốc Mạnh ở tổ sản xuất bánh mì ruốc.

Tiền lương của công nhân = (Lương tối thiểu \* Hệ số lương \* Ngày công thực tế): Số ngày công làm việc thực tế theo quy định trong tháng

$$\text{Tiền lương của công nhân} = (730.000 * 1,89 * 26): 26 = 1.379.700$$

Lương hệ số năng suất = (Lương tối thiểu \* Hệ số năng suất \* Hệ số lương \* Ngày công thực tế): Số ngày công làm việc thực tế theo quy định trong tháng

$$\text{Lương hệ số năng suất} = (730.000 * 1 * 26 * 1,89): 26 = 1.379.700$$

Lương phải trả công nhân = Lương cơ bản + Lương hệ số năng suất + Phụ cấp xăng xe + ăn ca = 1.379.700 + 1.379.700 + 200.000 + 312.000 = 3.271.400

$$\text{Trích BHXH trừ vào lương} = 6\% * \text{lương cơ bản} = 1.379.700 * 0,06 = 82.782$$

$$\text{Trích BHYT trừ vào lương} = 1,5\% * \text{lương cơ bản} = 1.379.700 * 0,015 = 20.696$$

Lương của công nhân thực lĩnh = Tổng thu nhập - các khoản giảm trừ vào lương = 3.271.400 - 82.782 - 20.696 = 3.167.922

$$\text{Kế toán định khoản: Nợ TK 622: 186.712.616}$$

$$\text{Có TK 334: 186.712.616}$$

Sau đó kế toán sẽ tính các khoản trích theo lương:

- Trích các khoản theo lương đưa vào chi phí.

$$\text{Nợ TK 622: 19.369.912}$$

$$\text{Có TK 338: 19.369.912}$$

- Khấu trừ vào lương các khoản trích theo lương.

Nợ TK 334: 7.646.018

Có TK 338: 7.646.018

- Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.3) đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622 (Biểu số 2.4). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 622 (Biểu số 2.5), Sổ cái TK 334, TK 338

- Cuối quý, căn cứ vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 622 kế toán sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154. Từ sổ chi phí sản xuất kinh doanh kế toán lập bảng tính giá thành.

**Biểu số 2.6****BẢNG CHẤM CÔNG**

Tháng 12 năm 2010

Tại tổ: Bánh mỳ ruốc

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngày trong tháng															Số công
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	....	31	
1	Phạm Trung Huy	Tổ trưởng	x	x	x	x	×	x	x	x	x	x	x	×	x		x	26
2	Đặng Quốc Mạnh	Công nhân	x	x	x	x	×	x	x	x	x	x	x	×	x		x	26
3	Nguyễn Duy Phương	Công nhân	x	x	x	x	×	x	x	x	x	x	x	×	x		x	26
4	Phạm Hiếu Thế	Công nhân	x	x	x	x	×	x	x	x	x	x	x	×	x		x	26
5	Lương Văn Duy	Công nhân	x	x	x	ô	×	x	x	x	x	x	x	×	x		x	25
6	Nguyễn Gia Quốc	Công nhân	ô	x	x	x	×	x	x	x	x	x	x	×	x		x	25
7	Bùi Văn Suy	Công nhân	x	x	x	x	×	x	x	x	x	x	x	×	x		x	26
....	.....	.....	.....	..	..	.	..	..	..	..	.	..	..	..	..	..	..	..
13	Nguyễn Gia Huy	Công nhân	x	x	x	x	×	x	x	x	x	x	x	×	x		ô	25

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người chấm công  
(đã ký)Phụ trách bộ phận  
(đã ký)Người duyệt  
(đã ký)

Ký hiệu chấm công.

- Con ốm: Cô

- Ốm, điều dưỡng: Ô

- Nghỉ bù: NB

- Nghỉ không lương: KL

- Ngừng việc: N

- Thai sản : TS

- Nghỉ phép: P

- Tai nạn: T

**Biểu số 2.7**

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SX PHÚ ĐƯỜNG**  
**17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng**

**Bảng lương nhân viên**  
**Tháng 12 năm 2010**  
 Tại tổ: sản xuất bánh mỳ ruốc

S T T	Họ và tên	Chức vụ	Lương tối thiểu	Ngày công thực tế	Hệ số lương	Lương cơ bản	Hệ số năng suất	Lương hệ số năng suất	ăn ca	Phụ cấp xăng xe	Phụ cấp trách nhiệm	Tổng thu nhập	Người lao động		Thực lĩnh	Ký nhận
													BHXH 6%	BHYT 1.5%		
1	Phạm Trung Huy	Tổ trưởng	730.000	26	3,57	2.606.100	1	2.606.100	312.000	200.000	175.000	5.899.200	156.366	39.092	5.703.742	
2	Đặng Quốc Mạnh	Công nhân	730.000	26	1,89	1.379.700	0,8	1.103.760	312.000	200.000		2.995.460	82.782	20.696	2.891.983	
3	Nguyễn Duy Phương	Công nhân	730.000	26	1,89	1.379.700	0,8	1.103.760	312.000	200.000		2.995.460	82.782	20.696	2.891.983	
4	Phạm Hiếu Thế	Công nhân	730.000	26	1,85	1.350.500	0,8	1.080.400	312.000	200.000		2.942.900	81.030	20.258	2.841.612	
5	Lương Văn Duy	Công nhân	730.000	25	1,86	1.305.578	0,5	652.789	312.000	200.000		2.470.367	78.335	19.583	2.372.449	
6	Nguyễn Gia Quốc	P. tổ trưởng	730.000	25	3,02	2.119.808	0,8	1.695.846	312.000	200.000	150.000	4.477.654	127.188	31.797	4.318.669	
7	Bùi Văn Suy	Công nhân	730.000	26	1,88	1.372.400	0,8	1.097.920	312.000	200.000		2.982.320	82.344	20.586	2.879.390	
8	Đinh Văn Hùng	Công nhân	730.000	26	1,85	1.350.500	0,8	1.080.400	312.000	200.000		2.942.900	81.030	20.258	2.841.612	
..	.	.....	.....	.....	.....	....		....	.....	...	.	...	.....	....	...	
13	Nguyễn Gia Huy	Công nhân	730.000	25	1,84	1.343.200	0,5	671.600	312.000	200.000		2.681.050	80.592	20.148	2.580.310	
	Cộng					21.069.486		11.045.130	4.056.000	2.600.000	325.000	39.095.616	1.264.169	316.042	37.515.405	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.8**

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SX PHÚ ĐƯỜNG

Địa chỉ: 17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**  
Tháng 12 năm 2010

Đơn vị: Đồng

S T T	TK ghi Có	TK 334				TK 338		
		Lương chính	Lương hệ số năng suất	Các khoản khác	Cộng có TK 334	BHXH (3383)	BHYT (3384)	Cộng
1	Bộ phận QLDN - TK 642	29.569.200	17.000.015	8.380.000	54.949.215	4.731.072	887.076	5.618.148
2	Bộ phận QLPX - TK 627	25.950.507	15.001.293	5.250.000	46.200.800	4.152.081	778.515	4.930.596
3	Bộ phận bán hàng - TK 641	23.790.859	11.999.941	10.967.600	46.758.400	3.806.537	713.726	4.520.263
4	<b>Công nhân sx</b>	101.946.904	55.507.712	29.261.000	186.712.616	16.311.505	3.058.407	19.369.912
	Cn sx bánh mì ruốc - TK 6221	21.069.486	11.045.130	6.981.000	39.095.616	3.371.118	632.085	4.003.203
	Cnsx bánh mì bông lan nho TK 6222	20.745.020	11.110.980	6.020.030	37.876.030	3.319.203	622.351	3.941.554
	Cnsx bánh mì bơ sữa - TK 6223	19.480.039	11.378.961	5.020.970	35.879.970	3.116.806	584.401	3.701.207
	Cn sx bánh mì Soctti - TK 6224	19.786.329	11.969.760	5.720.089	37.476.089	3.165.812	593.589	3.759.401
	Cn Sx bánh mì Toke - TK 6225	20.866.030	10.002.881	5.520.911	36.388.911	3.338.565	625.981	3.964.546
	Cộng toàn doanh nghiệp	181.257.470	99.508.961	53.858.600	334.625.031	29.001.195	5.437.724	34.438.919

**Biểu số 2.9**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ  
SX PHÚ ĐƯỜNG.  
17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số S03A - DN  
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ -  
BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

**Đơn vị: Đồng**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
.....	...	.	.....	....	.....	.....
31/12	BTL T12	31/12	Tính lương phải trả cn ở bộ phận QLDN	642 334 338	60.567.363	54.949.215 5.618.148
31/12	BTL T12	31/12	Tính lương phải trả cn ở bộ phận QLPX	627 334 338	51.131.396	46.200.800 4.930.596
31/12	BTL T12	31/12	Tính lương phải trả cn ở bộ phận bán hàng	641 334 338	51.278.663	46.758.400 4.520.263
<b>31/12</b>	<b>BTL T12</b>	<b>30/12</b>	<b>Tính lương phải trả cn sx</b>	<b>622 334 338</b>	<b>206.082.528</b>	<b>186.712.616 19.369.912</b>
31/12	BTL T12	31/12	Trích lương cnsx ở bộ phận QLDN vào lương	334 338	2.217.690	2.217.690
31/12	BTL T12	31/12	Trích lương của cnsx ở bộ phận QLPX lương	334 338	1.946.288	1.946.288
31/12	BTL T12	31/12	Trích lương của cnsx trừ vào lương	334 338	7.646.018	7.646.018
...	...	..	..	..	.....	.....
			Cộng SPS quý		38.425.005.800	38.425.005.800

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)



**Biểu số 2.10**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SX PHÚ ĐƯỜNG  
17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S36 - DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ - BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Tên tài khoản: CP NVL TT  
Tài khoản: 6221

Tên sản phẩm, dịch vụ: Bánh mỳ ruốc  
Tên phân xưởng: tổ 1

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra				
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Lương cơ bản + Lương hệ số năng suất	Phụ cấp xăng xe + trách nhiệm	Ăn ca	BHXH	BHYT
31/10	BTL T10	31/10	Tính lương phải trả cnsx bánh mỳ ruốc	334	44.340.000		39.187.876	2.156.280	2.995.844		
31/10	BTL T10	31/10	Trích lương của cnsx bánh mỳ ruốc	338	4.139.521					3.485.912	653.609
...	...	...	.....	...	...	.	.....	.....	.....	.....	.....
31/12	BTL T12	31/12	Tính lương phải trả cnsx bánh mỳ ruốc	334	39.095.616		32.114.616	2.925.000	4.056.000		
31/12	BTL T12	31/12	Trích lương của cnsx bánh mỳ ruốc	338	4.003.203					3.371.118	632.085
...	...	..	.....	..	..	..	..	.....	.....	.....	.....
31/12		31/12	Kết chuyển CP NCTT	154		183.571.296					
			Cộng số phát sinh		183.571.296	183.571.296	139.427.876	6.468.840	11.123.284	22.308.460	4.182.836

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.11**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ  
SX PHÚ ĐƯỜNG  
17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số S03B - DN  
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ -  
BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Chi phí nhân công trực tiếp

Số hiệu: TK 622

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

*Đơn vị: Đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
31/10	BTL T10	31/10	Tính lương phải trả cnsx	334	150.736.645	
31/10	BTL T10	31/10	Trích lương phải trả cnsx tính vào chi phí	338	16.080.372	
30/11	BTL T11	30/11	Tính lương phải trả cnsx	334	176.237.970	
30/11	BTL T11	30/11	Trích lương phải trả cnsx tính vào chi phí	338	17.925.624	
31/12	BTL T12	31/12	Tính lương phải trả cnsx	334	186.712.616	
31/12	BTL T12	31/12	Trích lương tính vào chi phí	338	19.369.912	
31/12	PKT 18	31/12	Kết chuyển CP NCTT	154		594.609.034
			Cộng phát sinh quý		594.609.034	594.609.034

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

#### 2.2.1.5. Kế toán chi phí sản xuất chung.

##### ❖ Nội dung của chi phí sản xuất chung.

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ quá trình SX phát sinh ở các tổ, bộ phận sản xuất. Bao gồm: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.

##### ❖ Chứng từ hạch toán

Kế toán chi phí sản xuất chung sử dụng các chứng từ sau:

Hoá đơn GTGT, Hoá đơn bán hàng, Hoá đơn cước phí vận chuyên, Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, biên bản kiểm kê vật tư sản phẩm hàng hoá, các chứng từ hướng dẫn như phiếu xuất kho vật tư theo hạn mức, biên bản kiểm nhận vật tư.

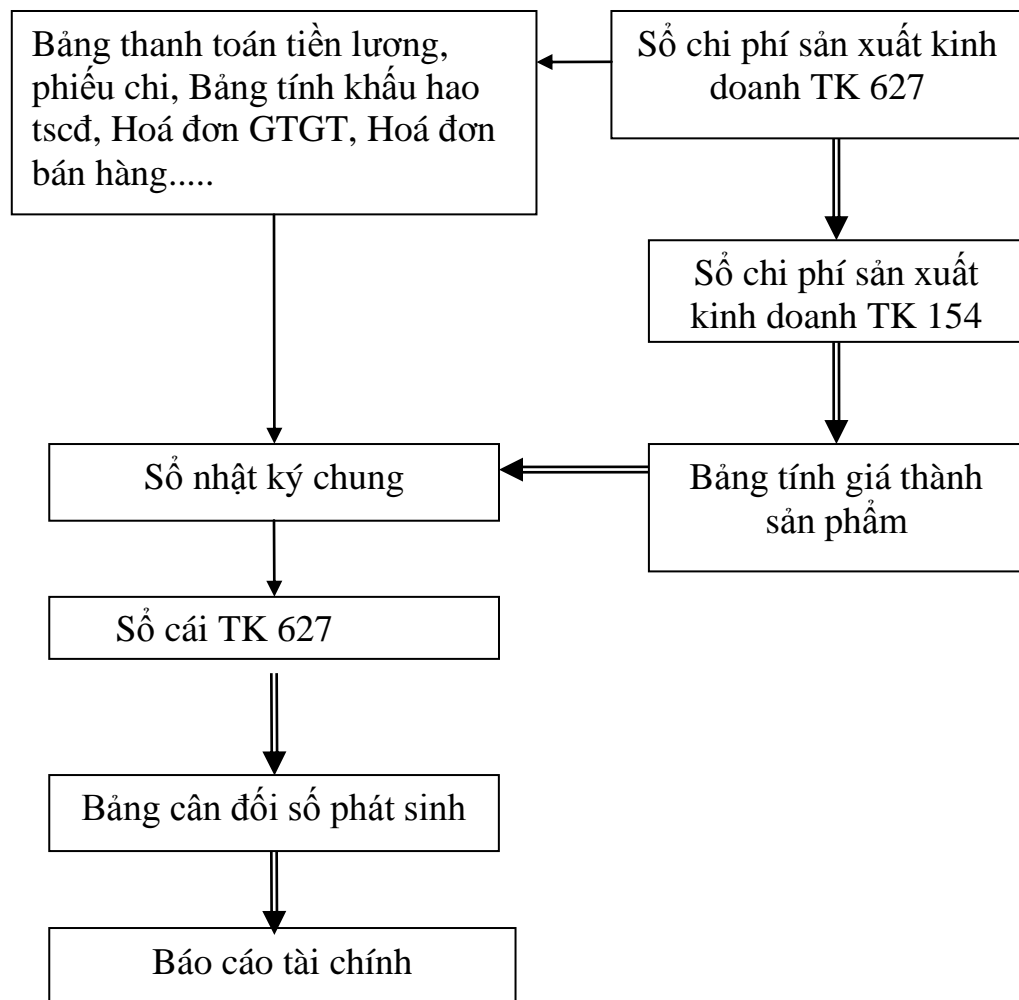
##### ❖ Tài khoản sử dụng.

Kế toán hạch toán Chi phí sản xuất chung trên tài khoản 627 “Chi phí sản xuất chung”

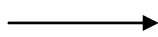
Công ty sử dụng tài khoản 627- Chi phí sản xuất chung và các tiểu khoản của TK 627

- TK 6271: Chi phí nhân công quản lý phân xưởng.
- TK 6273: Chi phí công cụ dụng cụ
- TK 6274: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6277: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6278: Chi phí khác bằng tiền

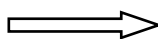
## ❖ Quy trình hạch toán



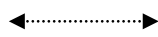
Ghi chú:



: Ghi hàng ngày



: Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



: Đối chiếu

- Hàng ngày, căn cứ vào phiếu xuất kho, phiếu chi, HĐGTGT... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627, từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 627.

- Cuối quý, kế toán căn cứ vào số liệu trên sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627 kế toán lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 154.

### ✚ Chi phí nhân viên quản lý phân xưởng

Cũng như trả lương cho công nhân sản xuất trực tiếp, phải căn cứ vào Bảng chấm công, bảng thanh toán lương hàng tháng, danh sách những nhân viên tham gia vào quá trình quản lý và kế toán tính lương. Căn cứ vào các bảng này thì kế toán tiến hành lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627 để tiện theo dõi trong quá trình kinh doanh.

Cuối tháng, căn cứ vào bảng chấm công (Biểu số 2.6), Bảng thanh toán lương (Biểu số 2.7) của các cán bộ quản lý phân xưởng do cán bộ phòng kế toán theo dõi để tính ra lương phải trả cho cán bộ quản lý phân xưởng.

Căn cứ vào bảng thanh toán tiền lương, kế toán nhập số liệu vào Nhật ký chung, Sổ cái TK 627, Sổ chi tiết TK 6271.

Nợ TK 6271:53.981.452

Có TK 334: 46.200.800

Có TK 338: 4.930.596

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.18) đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi TK 627 (Biểu số 2.19). Căn cứ vào sổ NKC ghi vào sổ cái TK 627 (Biểu số 2.20), sổ cái TK 334, sổ cái TK 338.

### ✚ Chi phí công cụ, dụng cụ:

Khi dưới phân xưởng có nhu cầu về vật tư, công cụ dụng cụ để phục vụ cho sản xuất của phân xưởng, Tổ trưởng sẽ cấp phát tại kho hoặc nếu ở kho chưa có sẽ báo cáo bộ cung ứng đi mua trực tiếp. Doanh nghiệp mở TK 153 để theo dõi tình hình biến động của công cụ, dụng cụ cả về chỉ tiêu hiện vật lẫn giá trị. Tại Doanh nghiệp sản xuất bánh mì các công cụ dụng cụ xuất dùng tại phân xưởng sản xuất đều là công cụ dụng cụ nhỏ như: kéo, ghè, ... nhưng mỗi lần xuất kế toán lại xuất nhiều để sử dụng trong vài tháng. Vì vậy, với những công cụ dụng cụ này kế toán phải phân bổ theo số tháng dự kiến sử dụng công cụ dụng cụ, sau đó phân bổ cho từng tháng theo công thức:

$$\text{Giá trị CCDC phân bổ trong tháng} = \frac{\text{Trị giá CCDC}}{\text{Số tháng dự kiến sử dụng}}$$

**Biểu số: 2.12****Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn - TK 242**

Tháng 12 năm 2010

S T T	Tên VT	Bộ phận sử dụng	SL	ĐG	Thành tiền	Thời gian phân bổ	Giá trị còn lại kỳ trước	Số tiền phân bổ kỳ này	Đối tượng phân bổ		
									641	642	627
I	Chi phí CCDC										
1	Điều hoà	Phòng Giám Đốc	1	5.527.723	5.527.723	24	5.297.383	230.321		230.321	
2	Bàn 1,8m	Phòng Giám Đốc	2	1.800.000	3.600.000	24	3.450.000	150.000		150.000	
3	Máy in	Phòng Giám Đốc	1	1.363.637	1.363.637	24	1.306.814	56.818		56.818	
4	Máy in	Phòng kế toán	3	1.619.047	4.857.141	24	4.654.740	202.380		202.380	
5	Bàn 1,8m	Phòng bán hàng	4	1.800.000	7.200.000	24	6.900.000	300.000	300.000		
6	Máy tính	Phòng kế toán	4	9.000.000	36.000.000	36	35.000.000	1.000.000		1.000.000	
7	Tủ 4 cánh	PXSX	3	1.200.000	3.600.000	24	3.450.000	150.000			150.000
.	.....	.....	....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
	Cộng				175.075.000		135.182.458	39.892.542	4.243.898	11.569.820	24.078.824

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Lập biểu  
(Ký, họ tên)

Nợ TK 641: 4.243.898

Nợ TK 642: 11.569.820

Nợ TK 627: 24.078.824

Có TK 242: 39.892.542

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.18) đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627 (Biểu số 2.19). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 641, sổ cái TK 642, sổ cái TK 627 (Biểu số 2.20) và sổ cái TK 242

### Chi phí khấu hao TSCĐ

Mỗi loại tài sản cố định có một tính năng tính chất tác dụng khác nhau và được sử dụng trong các phân xưởng. Do có nhiều chi tiết tài sản mà mỗi loại, mỗi nhóm tài sản lại có tỷ lệ khấu hao khác nhau nên để tính tổng mức khấu hao trong kỳ kế toán phải tính mức khấu hao cho từng chi tiết tài sản và theo dõi từng nhóm tài sản đó. Để phán ánh giá trị hao mòn TSCĐ trong quá trình sử dụng, kế toán sử dụng tài khoản 214.

Để thuận tiện cho việc theo dõi KH TSCĐ, công ty đã sử dụng phương pháp tính KH TSCĐ theo đường thẳng (KH đều), thời gian sử dụng đã được quy định theo thông tư của Bộ tài chính. Hàng tháng, kế toán tiến hành trích KH TSCĐ và phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí (TK 642, TK 627, TK 641).

$$\text{Mức khấu hao tháng} = \frac{\text{NG TSCĐ} \times \text{Tỷ lệ khấu hao bq}}{12 \text{ tháng}}$$

$$\text{Tỷ lệ khấu hao năm} = \frac{1}{\text{Số năm sử dụng}}$$

Căn cứ để phán ánh vào từng đối tượng chịu chi phí là Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ do kế toán lập.

**Biểu số 2.13**

CÔNG TY TNHH TM VÀ SX PHÚ ĐƯỜNG

**BẢNG TÍNH KHẤU HAO TSCĐ**  
**Tháng 12 năm 2010**

Tên tài sản	Bộ phận sử dụng	Ngày tăng	Ngày KH	Số th KH	Nguyên giá	Tổng mức khấu hao đã tính	GT KH trong tháng	Phân bổ cho các đơn vị		
								627	641	642
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Dây chuyền sx bánh mì ruốc	bộ phận sx	30/06/05	01/07/05	144	486.809.524	219.740.430	3.380.622	3.380.622		
Dây chuyền sx bánh mì bông lan nhỏ	bộ phận sx	30/06/05	01/07/05	144	1.380.000.000	571.527.767	9.583.333	9.583.333		
Nhà xưởng	QLPX	20/06/05	21/06/05	180	961.403.335	353.849.836	5.341.130	5.341.130		
Xe ô tô 16H - 0495	QLDN	31/08/05	01/09/05	120	373.068.519	170.067.861	3.108.904			3.108.904
Xe ô tô 16H - 4589	Bán hàng	31/07/05	01/08/05	120	281.000.000	168.600.024	2.341.667		2.341.667	
Xe ô tô 16H - 056.89	Bán hàng	30/11/2010	1/12/2010	120	158.659.020	0	1.322.159		1.322.159	
...	..	.	..	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
Tổng cộng					15.043.721.407	8.810.559.873	169.224.588	101.545.900	40.839.344	26.839.344

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Lập biểu  
(Ký, họ tên)



Nợ TK 627: 101.545.900

Nợ TK 641: 40.839.344

Nợ TK 642: 26.839.344

Có TK 214: 169.224.588

Từ bút toán trên, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.18) đồng thời ghi vào sổ chi phí sản xuất kinh doanh TK 627 (Biểu số 2.19). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 627 (Biểu số 2.20), sổ cái TK 214, sổ cái TK 641, sổ cái TK 642

#### Chi phí dịch vụ mua ngoài.

Chi phí dịch vụ mua ngoài của công ty bao gồm: tiền điện, tiền điện thoại, tiền sửa chữa tài sản cố định....

Ví dụ: Ngày 18 tháng 12 năm 2010, công ty thanh toán tiền điện thoại ở xưởng bánh mỳ, tổng số tiền thanh toán là 3.934.351 đồng. Công ty thanh toán ngay bằng tiền mặt. Kế toán ghi vào sổ sách kế toán theo định khoản:

Nợ TK 627: 1.576.683

Nợ TK 133: 157.668

Có TK 111: 1.734.351

Từ bút toán trên, căn cứ vào HĐGTGT, phiếu chi kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.18). Căn cứ vào sổ nhật ký chung ghi vào sổ cái TK 627 (Biểu số 2.20), sổ cái TK 111, sổ cái TK 133.

**Biểu số 2.14**

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)  
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)  
Liên 2: Giao khách hàng

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03  
Ký hiệu: AC/2010T  
Số: 0555878

Mã số:

TT Dịch vụ khách hàng- VTHP- Số 4 Lạch Tray

Tên khách hàng (customer's name): Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường

Mã số: 0200578165

Địa chỉ (address): 17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Số điện thoại (tel): 0313.678.657.....Mã số (code).....

Hình thức thanh toán (kind of payment): TM/CK.....

Dịch vụ sử dụng (kind of service)	Thành tiền (amount)
KỶ HÓA ĐƠN THÁNG 12/2010	1.576.683
a, Cước dịch vụ viễn thông	0
b, Cước dịch vụ viễn thông không thuế	0
c, Chiết khấu + đa dịch vụ	0
d, Khuyến mại	0
e, Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ	
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ(1)	1.576.683
Thuế suất GTGT: 10%	Tiền thuế GTGT (2) 157.668
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán	1.734.351

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn ba trăm lăm mươi mốt đồng.

Người nộp tiền ký

Ngày ... tháng...năm...  
Nhân viên giao dịch ký

**Biểu số 2.15**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SX PHÚ ĐƯỜNG

17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số 02 - TT

(Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI****Số 20/12**

Ngày 18 tháng 12 năm 2010

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Văn Thanh

Địa chỉ: Công ty VNPT

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 12/2010

Số tiền: 1.592.450

Viết bằng chữ: Một triệu năm trăm chín hai nghìn bốn trăm lăm mươi đồng.

Kèm theo: Chứng từ gốc

Ngày 18 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

** Chi phí khác bằng tiền.**

Đây là những khoản chi phí bằng tiền ngoài các khoản chi phí đã được kể trên phục vụ cho hoạt động sản xuất của phân xưởng bao gồm: tiền mua khẩu trang, gang tay lao động ....

Ví dụ: Ngày 04/12/2010, công ty chi tiền mặt thanh toán tiền mua khẩu trang cho công nhân, tổng số tiền thanh toán là 2.755.000

Nợ TK 627: 2.504.545

Nợ TK 133: 250.455

Có TK 111: 2.755.000

**Biểu số 2.16**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SX PHÚ ĐƯỜNG

Mẫu số 02 - TT

17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

(Ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ - BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

Số 05/12

Ngày 04 tháng 12 năm 2010

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Văn Trường

Địa chỉ:

Lý do chi: Chi tiền mua khẩu trang

Số tiền: 2.755.000

Viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm năm lăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: Chứng từ gốc

Ngày 04 tháng 12 năm 2010

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Cuối quý, kế toán tiến hành kết chuyển chi phí tập hợp được chuyển sang TK 154

Nợ TK 154: 893.681.409

Có TK 6271: 223.888.712

Có TK 6273: 72.236.472

Có TK 6274: 306.637.700

Có TK 6277: 194.548.230

Có TK 6278: 96.370.295

Do công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường chuyên về sản xuất các loại bánh mỳ nên chi phí NVL TT chiếm tỷ trọng tương đối lớn trong tổng chi phí tính giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, hệ số phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại bánh mỳ được dựa vào tỷ lệ % NVL TT xuất dùng trong kỳ.

Và nó được tính như sau:

$$\text{Hệ số phân bổ chi phí sản xuất chung} = \frac{\text{Tổng chi phí NVL TT của từng loại bánh mỳ}}{\text{Tổng chi phí NVL TT xuất dùng}}$$

$$\text{Phân bổ cho từng loại bánh mỳ} = \frac{\text{CP sx chung}}{\text{Hệ số phân bổ CP sản xuất chung}} \times \text{Tổng mức chi phí sản xuất chung}$$

Căn cứ vào cách xác định trên, kế toán tính toán hệ số phân bổ chi phí sản xuất cho từng loại chi phí và phân bổ cho từng loại bánh mỳ. Dựa vào Bảng hệ số phân bổ chi phí sản xuất để tiến hành phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng loại sản phẩm.

### **Biểu số 2.17**

#### **BẢNG HỆ SỐ PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT**

Từ ngày 1/10 đến ngày 31/12

Tên sản phẩm	CP NVL của từng sp	Tổng CP NVL TT	Hệ số phân bổ CP sx chung
- Bánh mỳ ruốc	1.232.349.282	2.532.349.282	0,487
- Bánh mỳ bông lan nho	327.664.992	2.532.349.282	0,129
- Bánh mỳ bơ sữa	276.967.254	2.532.349.282	0,109
- Bánh mỳ Stass	345.674.350	2.532.349.282	0,137
- Bánh mỳ Toke	349.693.404	2.532.349.282	0,138

$$\text{CP sx chung phân bổ cho bánh mỳ ruốc} = 0,487 * 893.681.409 = 435.222.846$$

$$\text{CP sx chung phân bổ cho bánh mỳ bông lan nho} = 0,129 * 893.681.409 = 115.284.901$$

$$\text{CP sx chung phân bổ cho bánh mỳ bơ sữa} = 0,109 * 893.681.409 = 97.411.273$$

$$\text{CP sx chung phân bổ cho bánh mỳ Stass} = 0,137 * 893.681.409 = 122.434.353$$

$$\text{CP sx chung phân bổ cho bánh mỳ Toke} = 0,138 * 893.681.409 = 123.328.034$$

**Biểu số 2.18**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ  
SX PHÚ ĐƯỜNG.  
17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số S03A - DN  
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ -  
BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

*Đơn vị: Đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
04/12	PC 05/12	04/12	Chi tiền mua khẩu trang	627 133 111	2.504.545 250.455	2.755.000
18/12	PC 20/12	18/12	Thanh toán tiền điện thoại	627 133 111	1.576.683 157.668	1.734.351
31/12	BTL T12	31/12	Tính lương phải trả cn ở bộ phận QLPX	627 334 338	51.131.396	46.200.800 4.930.596
31/12	BTL T12	31/12	Tính lương phải trả cn ở bộ phận bán hàng	641 334 338	51.278.663	46.758.400 4.520.263
31/12	PB CCDC T12	31/12	Phân bổ ccdc	641 642 627 242	4.423.898 11.569.820 24.078.824	39.892.542
31/12	PB KHT12	31/12	Phân bổ khấu hao TSCĐ	641 642 627 214	40.545.900 26.839.344 101.545.900	169.224.588
....	...	..	.....	.....	.....	.....
31/12	PKT 18	31/12	Kết chuyển Chi phí SXC	154 627	701.681.409	701.681.409
			Cộng số phát sinh quý		38.425.005.800	38.425.005.800

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.19**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SX PHÚ ĐƯỜNG  
17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S36 - DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ -BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**  
Từ 1/10/2010 đến 31/12/2010

Tên tài khoản: CP SXC  
Tài khoản: 627

Tên sản phẩm, dịch vụ: Bánh mỳ

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra				
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	6271	6274	6277	6278	6273
04/12	PC 05/12	04/12	Chi tiền mua khẩu trang	111	2.755.000					2.755.000	
09/12	PC 09/12	09/12	Thanh toán tiền điện thoại	111	1.734.351			1.734.351			
31/12	KHT12	31/12	Phân bổ KH TSCĐ	214	101.545.900			101.545.900			
31/12	BTL T12	31/12	Tính lương phải trả cn ở bộ phận QLPX	334	46.200.800		46.200.800				
31/12	CCDC T12	31/12	Phân bổ ccdc	242	24.078.824						24.078.824
.	.....	....	...	.	..	.	....	.	.....	....	.....
31/12	K/c	31/12	K/c CP sxc của bánh mỳ ruốc	1541		435.222.846					
31/12	K/c	31/12	K/c CP sxc của bánh mỳ bông lan nhỏ	1542		115.284.901					
31/12	K/c	31/12	K/c CP sxc của bánh mỳ bơ sữa	1543		97.411.273					
31/12	K/c	31/12	K/c CP sxc của bánh mỳ Stass	1544		122.434.353					
31/12	K/c	31/12	K/c CP sxc của bánh mỳ Toke	1545		123.328.034					
			Cộng số phát sinh quý		893.681.409	893.681.409	223.888.712	304.637.700	194.548.230	96.370.295	72.236.472

**Biểu số 2.20**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ  
SX PHÚ ĐƯỜNG  
17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số S03B - DN  
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ -  
BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: TK 627

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

**Đơn vị: Đồng**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
.....	....	.....	.....	.....	.....	.....
<b>04/12</b>	<b>PC 05/12</b>	<b>04/12</b>	<b>Chi tiền mua khẩu trang</b>	<b>111</b>	2.755.000	
<b>18/12</b>	<b>PC 20/12</b>	<b>18/12</b>	<b>Chi tiền thanh toán tiền điện thoại</b>	<b>111</b>		3.934.351
31/12	KHT12	31/12	Phân bổ KH TSCĐ	214	101.545.900	
<b>31/12</b>	<b>BTL T12</b>	<b>31/12</b>	<b>Tính lương phải trả cn ở bộ phận QLPX</b>	<b>334</b> <b>338</b>	46.200.800 7.780.652	
31/12	CCDC T12	31/12	Phân bổ ccdc	242	24.078.824	
....	.....	.....	.....	.	.....	.....
31/12	PKT 18	31/12	Kết chuyển Chi phí SXC	154		
			Cộng số phát sinh quý		893.681.409	893.681.409

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên)



### 2.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

Để tập hợp chi phí sản xuất phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm, kế toán sử dụng TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

Cuối kỳ kế toán tập hợp toàn bộ chi phí sx của toàn công ty đã tập hợp theo từng khoản mục chi phí để tính giá thành sản phẩm hoàn thành.

Tập hợp chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến quá trình sản xuất và kinh doanh theo công thức:

Chi phí phát sinh trong kỳ = Chi phí NVL TT + Chi phí NC TT + Chi phí sx chung

Tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm: Các loại chi phí trên đều được tập hợp vào bên nợ tài khoản 154. Cụ thể: Cuối kỳ tính giá sau khi đã tập hợp được các chứng từ liên quan, kế toán tập hợp TK 621, TK 622, TK 627 kết chuyển sang TK 154. TK 154 được mở chi tiết theo từng sản phẩm.

TK 1541: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của bánh mì ruốc

TK 1542: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của bánh mì bông lan nhỏ.

TK 1543: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của bánh mì bơ sữa

TK 1544: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cả bánh mì Stass

TK 1545: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của bánh mì Toke.

#### Quy trình hạch toán:

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp chủ yếu là bột mì, dầu... được kế toán tập hợp vào TK 621 cuối quý kết chuyển sang TK 154 rồi kết chuyển sang TK 155. Sau đó kết chuyển sang TK 632 để tính giá thành sản phẩm

Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm lương của công nhân được trả theo hình thức lương thời gian được hạch toán vào TK 622 cuối quý kết chuyển sang TK 154 rồi kết chuyển sang TK 155, sau đó kết chuyển sang TK 632 để tính giá thành sản phẩm.

Chi phí sản xuất chung của Công ty bao gồm: Chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí công cụ dụng cụ.... Được tập hợp vào TK 627

cuối quý kết chuyển sang TK 154 rồi kết chuyển sang TK 155, sau đó kết chuyển sang TK 632 để tính giá thành sản phẩm.

### **2.2.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.**

Do quy trình sản xuất bánh mì đơn giản từ khâu đánh bột đến khâu đóng gói cũng chỉ mất khoảng một ngày. Mà thời hạn của bánh mì cũng chỉ có 1 tuần nên doanh nghiệp sản xuất ngày nào thì nhập kho hết luôn ngày vì vậy trong cuối tháng không có sản phẩm dở dang cuối kỳ.

### **2.2.4. Kế toán tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.**

#### **2.2.4.1. Đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành.**

##### **✚ Đối tượng tính giá thành.**

Căn cứ vào đặc điểm công nghệ và tính chất sản xuất sản phẩm có kỳ sản xuất ngắn. Mà mỗi dây chuyền sản xuất lại sản xuất riêng một loại bánh mì.

Do đó, đối tượng tính giá thành sản phẩm của công ty là từng loại bánh mì: Bánh mì bông lan nhỏ, bánh mì ruốc, bánh mì bơ sữa, bánh mì Stass, bánh mì Toke...

##### **✚ Kỳ tính giá thành:**

Do khối lượng công việc nhiều, nhưng công ty mới chỉ có 3 kế toán vì vậy công ty chọn tính giá thành sản phẩm theo quý.

#### **2.2.4.2. Phương pháp tính giá**

Kết thúc giai đoạn tập hợp chi phí sản xuất, kế toán cần kiểm tra để kết chuyển chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm vì đây là giai đoạn sau của quá trình hoạch toán chi phí. Tính toán đúng và đầy đủ chi phí cho từng loại sản phẩm sẽ tạo điều kiện cho nhà quản lý đánh giá được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Để có phương pháp tính giá thành hợp lý, phù hợp với đặc điểm tổ chức, trình độ quản lý của doanh nghiệp, công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường đã sử dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn.

Sau khi tập hợp toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ chi tiết theo từng loại sản phẩm, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm.

Công thức tính giá sp:

$Z = \text{Chi phí dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ} - \text{Chi phí dở dang cuối kỳ}$

$$Z_{đv} = \frac{Z}{Q_{đk} + Q_{sx}}$$

Trong đó:

Z: Tổng chi phí sản xuất

$Q_{sx}$ : Sản lượng sx ra trong kỳ

$Q_{đk}$ : Sản lượng tồn đầu kỳ

**Ví dụ:** Tính giá thành sản phẩm của bánh mỳ ruốc biêt:

- Chi phí dở dang đầu kỳ = 0

- Chi phí phát sinh trong kỳ bao gồm:

+ Chi phí NVL TT = 1.232.349.282

+ Chi phí NCTT = 183.571.296

+ Chi phí sản xuất chung = 435.222.846

- Chi phí dở dang cuối kỳ = 0

Trong kỳ doanh nghiệp sản xuất được 1.136.900 cái.

Tổng giá thành được xác định:

$$Z = 0 + 1.232.349.282 + 183.571.296 + 435.222.846 = 1.851.143.424$$

$$z_{đv} = 1.851.143.424 : 1.136.900 = 1.628 \text{ đ/cái}$$

**Biểu số 2.21****Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT PHÚ ĐƯỜNG****Địa chỉ: 17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng.****BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT**

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị: đồng

T T	Tên sản phẩm	CPNVLTT	CPNCTT	CPSXC	Tổng
1	Bánh mì ruốc	1.232.349.282	183.571.296	435.222.846	1.851.143.424
2	Bánh mì bông lan	327.664.992	100.628.000	115.284.901	543.577.893
3	Bánh mì bơ sữa	276.967.254	97.637.800	97.411.273	472.016.327
4	Bánh mì Stass	345.674.350	101.428.960	122.434.353	569.537.663
5	Bánh mì Toke	349.693.404	111.342.978	123.328.034	584.364.416
	<b>Cộng</b>	<b>2.532.349.282</b>	<b>594.609.034</b>	<b>893.681.409</b>	<b>4.020.639.725</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.22**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SX PHÚ ĐƯỜNG  
17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

Mẫu số: S36 - DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/ QĐ - BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Tên tài khoản: CP NVL TT  
Tài khoản: 1541

Tên sản phẩm, dịch vụ: Bánh mỳ ruốc  
Tên phân xưởng: tổ 1

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra		
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	CP NVLTT	CP NCTT	CP SXC
			Số dư đầu quý						
31/12	BTGT QIV	31/12	Kết chuyển CP NVL TT	621	1.232.349.282		1.232.349.282		
31/12	BTGT QIV	31/12	Kết chuyển CP NCTT	622	183.571.296			183.571.296	
31/12	BTGT QIV	31/12	Kết chuyển CP SXC	627	435.222.846				435.222.846
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....
			Cộng số phát sinh quý		1.851.143.424	1.851.143.424	1.232.349.282	183.571.296	435.222.846
			Số dư cuối kỳ						

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.23**

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ

Mẫu số S03B - DN

SX PHÚ ĐƯỜNG

(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC

17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: TK 154

Từ ngày 1/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị: Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
.....	.....	.....	.....	.	.....	.....
31/12	PKT 18	31/12	Kết chuyển chi phí	621 622 627	2.532.349.282 594.609.034 893.681.409	
31/12	BTGT QIV	31/12	Nhập kho bánh mỳ ruốc	155		1.851.143.424
31/12	BTGT QIV	31/12	Nhập kho bánh mỳ bông lan nho	155		543.577.893
31/12	BTGT QIV	31/12	Nhập kho bánh mỳ bơ sữa	155		472.016.327
31/12	BTGT QIV	31/12	Nhập kho bánh mỳ Stass	155		569.537.663
31/12	BTGT QIV	31/12	Nhập kho bánh mỳ Toke	155		584.364.416
			Cộng phát sinh quý		4.020.639.725	4.020.639.725
			Số dư cuối quý			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Giám đốc  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 2.24**

Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường

17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

**BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

Từ ngày 1/10/2010 đến 31/12/2010

Chỉ tiêu	Qsx	DD đk	PS trong kỳ			DD ck	Z	Z <sub>đv</sub>
			CP NVLTT	CP NCTT	CP SXC			
Bánh mì ruốc	1.136.900	0	1.232.349.282	183.571.296	435.222.846	0	1.851.143.424	1.628,2đ/cái
Bánh mì bông lan nhỏ	238.703	0	327.664.992	100.628.000	115.284.901	0	543.577.893	2.277,2đ/cái
Bánh mì bơ sữa	351.061	0	276.967.254	97.637.800	97.411.273	0	472.016.327	1.344,5đ/cái
Bánh mì Stass	412.339	0	345.674.350	101.428.960	122.434.353	0	569.537.663	1.381,3đ/cái
Bánh mì Toke	414.131	0	349.693.404	111.342.978	123.328.034	0	584.364.416	1.411,1đ/cái
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.532.349.282</b>	<b>594.609.034</b>	<b>893.681.409</b>		<b>4.020.639.725</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)Giám đốc  
(Ký, họ tên)

### **CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT PHÚ ĐƯỜNG.**

#### **3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm.**

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường là một đơn vị rất nhạy bén trong công tác quản lý, phát huy những ưu điểm vốn có, công ty đã và đang tìm ra cho mình những bước đi mới và có những khởi sắc đáng mừng. Công ty đã khẳng định vị trí của mình trên thị trường bằng các sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ. Sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác quản lý kinh tế đã giúp công ty từng bước hoà nhập với nhịp điệu phát triển kinh tế của đất nước, hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm mở rộng thị trường, tăng lợi nhuận để tái sản xuất mở rộng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty. Đặc biệt trong thời kỳ hiện nay khi Nhà nước đang áp dụng chính sách mở cửa, công ty đã và đang tìm kiếm bạn hàng, tìm kiếm đối tác kinh doanh để từng bước thâm nhập vào thị trường thế giới. Những thành quả công ty đã đạt được chỉ là bước khởi đầu, với sự nỗ lực không ngừng, trong tương lai công ty sẽ tiến xa hơn.

Bên cạnh việc tổ chức một bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý hoá sản xuất Công ty đặc biệt chú trọng tới công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Hạch toán đúng từ khâu chi phí sản xuất và hạch toán chính xác giá thành sản phẩm tạo điều kiện cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban Giám đốc Công ty ra các Quyết định đúng đắn, góp phần mang lại thắng lợi cho đơn vị trong điều kiện cạnh tranh thị trường.

Vấn đề tiết kiệm ngày càng được đề cao, nhất là tiết kiệm chi phí sản xuất, đó là mục tiêu phấn đấu, là một nhiệm vụ chủ yếu của Công ty. Vì vậy để đáp ứng yêu cầu quản lý nói chung và công tác quản lý chi phí nói riêng, nhất là



trong điều kiện đổi mới hiện nay, đòi hỏi công ty phải tổ chức kế toán chi phí công ty và tính giá thành sản phẩm một cách chính xác, theo đúng nguyên tắc về đánh giá, phản ánh theo đúng giá thực tế tại mỗi thời điểm phát sinh chi phí, hạch toán và phân bổ chi phí theo đúng địa điểm phát sinh, đúng các đối tượng chịu chi phí, đối tượng tính giá thành, vận dụng phương pháp tính giá thành thích hợp vào từng đối tượng tính giá.

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, công ty đã có những chuyển biến cơ bản trong việc hạch toán chi phí sản xuất từ khâu xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành đến kế toán chi phí tổng hợp, kế toán chi phí giá thành, thực hiện việc ghi chép phản ánh một cách kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các chi phí hoạt động tính vào giá thành của sản phẩm và hạch toán phân bổ chi phí sản xuất chung.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường, được tìm hiểu về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm em đã thấy được những ưu nhược điểm của công ty như sau:

### ***3.1.1. Ưu điểm:***

#### **➤ Về tổ chức bộ máy quản lý, bộ máy kế toán tại công ty**

- Với bộ máy quản lý gọn nhẹ, các phòng ban chức năng đủ đáp ứng nhu cầu chỉ đạo và kiểm tra các hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty đã đảm bảo quản lý và hạch toán các yếu tố chi phí của quá trình sản xuất một cách tiết kiệm, có hiệu quả. Cụ thể công ty đã quản lý lao động có trọng tâm và luôn động viên khuyến khích đối với lao động. Công ty áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ trong việc chỉ đạo công tác kế toán, giúp doanh nghiệp kiểm tra, chỉ đạo sản xuất kịp thời, giảm nhẹ biên chế trong bộ máy làm việc.

- Phòng kế toán của công ty được bố trí gọn nhẹ, với đội ngũ kế toán trẻ, nhiệt tình và trung thực đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán - Cách thức

ghi chép, phương pháp hạch toán khoa học, hợp lý, phù hợp với yêu cầu mục đích của chế độ kế toán mới. Tổ chức công tác kế toán quản trị, tài chính rõ ràng, khoa học giúp giảm bớt khối lượng kế toán, kế toán viên có thể đáp ứng đầy đủ thông tin hữu dụng đến với yêu cầu quản lý của công ty cũng như các đối tượng liên quan khác.

➤ **Về hệ thống sổ sách, chứng từ, phương pháp hạch toán tại công ty**

- Hình thức sổ được sử dụng hiện nay ở Công ty là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức sổ ghi chép đơn giản, thuận tiện.

- Nhìn chung, hệ thống chứng từ tại Công ty được tổ chức đầy đủ và hợp lý căn cứ trên các quy định của chế độ chứng từ kế toán do Bộ Tài chính ban hành và đặc điểm kinh doanh của Công ty. Đồng thời kế toán Công ty cũng đã xây dựng được trình tự luân chuyển chứng từ một cách hợp lý, đảm bảo nguyên tắc nhanh chóng, kịp thời và không ảnh hưởng đến các bộ phận khác. Nhờ thế, công tác kế toán nói chung được thực hiện minh bạch, rõ ràng, có căn cứ vững chắc và công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sản xuất nói riêng tại Công ty được tiến hành nhanh chóng, kịp thời, đáp ứng đầy đủ thông tin cần thiết cho Ban Giám đốc.

- Công ty lựa chọn đối tượng tính giá thành là từng loại sản phẩm hoàn thành. Lựa chọn như vậy, công ty có thể theo dõi chi phí theo từng loại sản phẩm hoàn thành, có thể xác định được lợi nhuận theo từng sản phẩm.

- Phương pháp tính giá thành áp dụng tại Công ty là phương pháp trực tiếp. Sử dụng phương pháp này sẽ giúp công tác tính giá thành đơn giản hơn, công việc tính toán của kế toán sẽ nhẹ nhàng hơn, tránh được những sai sót không đáng có do nhầm lẫn trong việc tính toán.

- Phương pháp, nguyên tắc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty đều căn cứ trên những quy định do Bộ Tài chính ban hành. Hệ thống chứng từ ban đầu được tổ chức hợp pháp, hợp lý và đầy đủ. Do đó, công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty luôn đảm bảo chính xác và kịp thời. Điều này rất có lợi vì Công ty luôn có đầy đủ thông tin về chi

phí, giá thành khiến cho việc quản lý, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm dễ thực hiện hơn.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho tại công ty là phương pháp kê khai thường xuyên, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý, giúp Ban Giám đốc thường xuyên nắm được tình hình biến động hàng tồn kho và ra Quyết định một cách nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

➤ **Về tổ chức quản lý lao động, quản lý vật tư.**

Công ty đã quản lý lao động có trọng tâm, luôn động viên, khuyến khích đối với lao động có tay nghề cao bằng chế độ thưởng phạt.

Việc quản lý và mua sắm vật tư được giao cho các phân xưởng nhưng phải đảm bảo phù hợp với giá cả thị trường tại địa điểm và thời điểm dưới sự giám sát chặt chẽ của Ban vật tư công ty.

**3.1.2 Những tồn tại của công ty**

**Thứ nhất: Về tổ chức công tác kế toán:**

Hiện nay, Công ty chỉ có 3 cán bộ kế toán trình độ chuyên môn chưa cao phân công công việc chưa hợp lý. Số lượng nhân viên kế toán ít khối lượng công việc nhiều. Công ty hiện đang dùng kế toán bằng tay chưa áp dụng các phần mềm kế toán không thể đáp ứng được số liệu khi cần một cách chính xác và nhanh chóng.

Bên cạnh đó, việc tính giá thành sản phẩm theo quý làm công việc dồn vào cuối quý nhiều, khối lượng công việc lớn làm cho kế toán vất vả, dễ dẫn đến sai sót và không đảm bảo tính kịp thời của thông tin về chi phí sản xuất.

**Thứ hai: Về công tác quản lý chi phí và giá thành:**

- Việc tổ chức quản lý chi phí còn chưa được chặt chẽ toàn diện, một số nguyên vật liệu, vật tư, phụ tùng còn bị lãng phí không tận dụng hết những vật tư còn đang sử dụng được, các tổ trưởng, còn đề nghị giám đốc mua sắm mới nhiều thiết bị, phụ tùng chính vì vậy mà đã làm giá thành tăng lên, làm giảm lợi nhuận của Công ty.

**Thứ 3: Về hình thức trả lương cho công nhân sản xuất:**

- Công ty trả lương cho bộ phận trực tiếp sản xuất theo hình thức trả lương theo thời gian là chưa hợp lý, chưa nâng cao được năng suất lao động, chưa khuyến khích được công nhân làm việc từ đó tạo ra hiệu quả trong sản xuất là chưa cao.

**Thứ tư: Về đánh giá thiệt hại trong sản xuất.**

- Công ty không hạch toán các khoản thiệt hại trong sản xuất như thiệt hại về sản phẩm hỏng, thiệt hại ngừng sản xuất, do đó không có sự so sánh giữa các kỳ về chất lượng sản phẩm, giá trị sản phẩm hỏng ngoài định mức vẫn tính vào giá trị sản phẩm hoàn thành trong kỳ do đó đã phản ánh chưa chính xác giá thành sản phẩm hoàn thành trong kỳ.

**- Thứ năm: Về việc phân bổ chi phí sửa chữa thường xuyên và trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ**

- Là doanh nghiệp sản xuất, Công ty sử dụng một khối lượng máy móc, thiết bị có giá trị lớn. Trong quá trình sản xuất máy móc, thiết bị cần phải được bảo dưỡng, sửa chữa theo định kỳ để duy trì sản xuất. Hiện nay chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị của doanh nghiệp phát sinh tháng nào thì hạch toán vào tháng đó làm cho chi phí sửa chữa giữa các tháng không đồng đều, ảnh hưởng đến độ chính xác giá thành sản phẩm sản xuất ra trong tháng. Công ty không trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định dẫn đến chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh vào một kỳ. Vì vậy việc xây dựng kế hoạch về vốn cũng như tập hợp chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn gặp phải khó khăn.

**- Thứ sáu: Về việc lưu giữ và luân chuyển chứng từ**

Chứng từ kế toán rất quan trọng đối với công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm nói riêng. Hiện nay do công ty mới đi vào hoạt động nên việc lưu giữ và bảo quản chứng từ vẫn chưa hợp lý, chưa có sự ký nhận giữa các bên khi bàn giao chứng từ. Điều đó có thể dẫn đến việc thất lạc chứng từ mà không tìm ra được nguyên nhân ảnh hưởng đến việc hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

**- Thứ bảy: Việc xây dựng định mức dự trữ và bảo quản nguyên vật liệu trong kho**

Công ty chưa chú trọng việc xây dựng kho tàng để bảo quản nguyên vật liệu làm đôi khi nguyên vật liệu mốc, bị ẩm..., không quản lý được định mức dự trữ vật liệu làm nhiều lúc nguyên vật liệu ứ đọng hoặc khan hiếm vật liệu làm ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất của doanh nghiệp.

**3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.**

✓ **Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.**

Hiện nay, xu hướng hội nhập cùng toàn cầu đang diễn ra mạnh mẽ trong tất cả các lĩnh vực. Trong đó, lĩnh vực kế toán là một công cụ quan trọng trong công tác quản lý kinh tế, giúp các doanh nghiệp ngày càng phát triển. Chính vì vậy Nhà nước ta vẫn tiếp tục xây dựng luật, chuẩn mực và ban hành các thông tư hướng dẫn thực hiện công tác kế toán để có một xu hướng phù hợp với tiêu chuẩn chung của Quốc tế. Mục tiêu của Nhà nước là chỉ tạo ra khung pháp lý để các doanh nghiệp tự tìm ra và áp dụng các phương pháp hạch toán phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp mình, đồng thời tối đa hoá khả năng sử dụng thông tin cho các đối tượng khác nhau. Đứng trước những thay đổi đó, Công ty cần hoàn thiện công tác kế toán để hòa nhập với sự phát triển chung của Thế giới và có khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Bên cạnh đó dưới sự điều tiết của các quy luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường, muốn tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp luôn phải tìm mọi biện pháp để khẳng định vị trí của mình. Vấn đề này bao trùm, xuyên suốt hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó phụ thuộc rất lớn vào hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà trong đó nhiệm vụ hàng đầu là tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Cùng với các biện pháp

như xác định mức tiêu hao nguyên vật liệu, tận dụng tối đa công suất máy móc thiết bị, bố trí lao động hợp lý, nâng cao năng suất lao động... thì việc tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra những quyết định quản lý tối ưu. Và để thực hiện tốt nhất chức năng và nhiệm vụ của mình thì kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm luôn phải tìm ra và khắc phục nhưng thiếu sót và hạn chế, phát huy những ưu điểm, thuận lợi đã có. Vì vậy việc hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm là yêu cầu khách quan, cần thiết và có ý nghĩa chiến lược với sự phát triển của công ty.

✓ **Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện đề tài nghiên cứu**

- Dem lại hiệu quả về mặt kinh tế so với hình thức và thực trạng đang áp dụng tại doanh nghiệp.

- Những biện pháp hoàn thiện phải tuân thủ theo các quy định, chuẩn mực chung và không vi phạm pháp luật.

- Các biện pháp này phải phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

✓ **Nguyên tắc phải hoàn thiện tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.**

Việc hoàn thiện công tác tổ chức kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa trên những cơ sở sau:

- **Thứ nhất:** Đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

- **Thứ hai:** Đảm bảo sự tuân thủ và thống nhất chặt chẽ giữa những quy định trong tổ chức kế toán Nhà nước, trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù của ngành sản xuất kinh doanh.

- **Thứ ba:** Đặc biệt sử dụng tiết kiệm và hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp. Muốn vậy phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được là cao nhất với chi phí thấp nhất.

- **Thứ tư:** Đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản trị doanh nghiệp bởi vì mục tiêu của việc hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời và chính xác để nhà quản trị ra quyết định đúng đắn, tối ưu.

✓ **Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành.**

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường, được sự chỉ bảo tận tình của các anh, các chị phòng tài chính kế toán công ty, em đã có điều kiện tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh và thực trạng công tác tổ chức hạch toán kế toán của công ty. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập với sự nhiệt tình nghiên cứu, em xin đưa ra một số ý kiến về phương hướng hoàn thiện những tồn tại trong hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sản xuất tại công ty như sau:

#### **✚ Ý kiến 1: Về việc tổ chức công tác kế toán**

Tổ chức công tác kế toán diễn ra một cách thuận lợi thì người kế toán phải có trình độ chuyên môn, hiểu được quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Do số lượng công việc nhiều nhưng công ty mới chỉ có 3 nhân viên kế toán làm cho khối lượng công việc thường bị dồn vào cuối quý. Nhân viên kế toán của công ty những người trẻ tuổi chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ chuyên môn còn kém.

Vì vậy để thực hiện giải pháp trên thì công ty cần tuyển thêm nhân viên kế toán có kinh nghiệm. Kế toán trưởng phải sắp xếp bộ máy kế toán đúng người đúng việc. Công ty nên áp dụng khoa học kỹ thuật vào công tác kế toán như việc sử dụng phần mềm kế toán. Hiện nay, có rất nhiều phần mềm kế toán như phần mềm kế toán MISA, BRAVO, phần mềm kế toán Việt Nam - KTVN, FAST, SASINNOVA... Công ty nên chọn một phần mềm kế toán phù hợp với

đặc điểm của Công ty và đưa các kế toán đi đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn và cách sử dụng phần mềm kế toán. Việc áp dụng phần mềm kế toán để giảm bớt công việc của kế toán giúp cho kế toán có thể đưa ra các báo cáo nhanh chóng, chính xác nhất phục vụ cho công tác quản trị của ban giám đốc. Giúp ban giám đốc có thể đưa ra các quyết định kinh doanh kịp thời tạo lợi thế cho doanh nghiệp trong kinh doanh. Tạo niềm tin vào các báo cáo tài chính mà công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài. Đồng thời giải phóng các kế toán viên khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu trong việc tính toán số học đơn giản nhằm chận để họ có thể dành nhiều thời gian cho lao động sáng tạo của cán bộ quản lý.

### **✚ Ý kiến 2: Về kỳ tính giá thành**

Việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành theo kỳ vào cuối các quý làm cho khối lượng công việc dồn vào cuối quý nhiều, kế toán vất vả, ảnh hưởng đến độ chính xác của giá thành, tính kịp thời của thông tin. Vì vậy Công ty nên tính giá thành sản phẩm theo tháng. Việc tính giá thành theo tháng vừa giảm khối lượng tính toán cho kế toán vào cuối mỗi quý, vừa phản ánh kịp thời tình hình biến động của giá thành, giúp công ty xác định được các yếu tố sản xuất đã tiết kiệm hay còn lãng phí để có biện pháp xử lý kịp thời, đồng thời giúp Công ty xác định giá bán cho phù hợp với thị trường và lợi ích của Công ty.

### **✚ Ý kiến 3: Về việc phân bổ chi phí sửa chữa thường xuyên và tiến hành trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ.**

Hiện nay chi phí sửa chữa máy móc, thiết bị của doanh nghiệp phát sinh tháng nào thì hạch toán vào tháng đó làm cho chi phí sửa chữa giữa các tháng không đồng đều, ảnh hưởng đến độ chính xác giá thành sản phẩm sản xuất ra trong kỳ. Vì vậy Công ty nên căn cứ vào thực trạng máy móc thiết bị, kế hoạch sản xuất để xác định trước chi phí sửa chữa thường xuyên TSCĐ có thể phát sinh, tiến hành trích trước vào chi phí sản xuất của từng tháng, đảm bảo chi phí sửa chữa TSCĐ là đồng đều giữa các tháng.



Nợ TK 627,641,642: Sửa chữa TSCĐ thuộc bộ phận nào thì phản ánh vào bộ phận đó.

Nợ TK 133: thuê ngoài

Có TK 111,112,334,331 (thuê ngoài chưa trả).

- Công ty không trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định làm cho chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh dồn vào một kỳ làm cho doanh nghiệp không hạch toán đúng được các khoản chi phí phát sinh từ đó không tính được đúng giá thành sản phẩm. Vì vậy công ty nên tiến hành sửa chữa theo kế hoạch hoặc ngoài kế hoạch.

Chi phí sửa chữa phát sinh thường là lớn nên theo quy định kế toán phải phân bổ vào chi phí kinh doanh.

#### **a, Kế toán sửa chữa theo kế hoạch**

- Hàng tháng kế toán sẽ trích một khoản chi phí sẽ phải trả. Đó chính là chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch

Nợ TK 627, 641,642

Có TK 335: Số theo kế hoạch.

- Khi tiến hành sửa chữa TSCĐ thì toàn bộ chi phí thực tế phát sinh kế toán ghi

Nợ TK 2413: Số thực tế phát sinh

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331.

- Khi công việc sửa chữa hoàn thành kế toán quyết toán và số tiền theo kế hoạch và số tiền thực tế phát sinh.

+ Nếu số kế hoạch lớn hơn số thực tế

Nợ TK 335: Số kế hoạch

Có TK 2413: Số thực tế phát sinh

Có TK 627,641,642

+ Nếu số kế hoạch nhỏ hơn số thực tế phát sinh

Nợ TK 335

Nợ TK 627,641,642

Có TK 2413

+ Nếu số thực tế bằng số kế hoạch

Nợ TK 335

Có TK 2413

b, Kế toán ngoài kế hoạch

- Khi tiến hành sửa chữa, kế toán phản ánh chi phí thực tế phát sinh

Nợ TK 2413: Số thực tế

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

- Khi công việc sửa chữa hoàn thành kế toán kế chuyển để phân bổ dần

Nợ TK 242,142

Có TK 2413: Số thực tế.

- Hàng tháng kế toán phân bổ dần 1 khoảng chi phí sản xuất kinh doanh

Nợ TK 627, 641, 642

Có TK 242,142.

#### **Ý kiến 4: Về công tác kế toán nguyên vật liệu**

Trong thực tế tỷ lệ nguyên vật liệu hao hụt qua quá trình sản xuất ở các phân xưởng của công ty khá cao: 3 - 4 %. Như vậy là lãng phí nguyên vật liệu, vì vậy để quản lý sát sao hơn khoản chi phí nguyên vật liệu, công ty nên áp dụng thêm một số biện pháp sau:

- Kiểm tra chặt chẽ các chứng từ ghi chép tình hình nhập xuất nguyên vật liệu. Tổ chức đối chiếu định kỳ, bất thường kho nguyên vật liệu với số liệu của phòng kế toán để cuộc kiểm tra đạt hiệu quả.

- Theo dõi chặt chẽ số liệu phản ánh tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất được bộ phận sản xuất báo cáo, nhanh chóng phát hiện và tìm hiểu khi số lượng lãng phí, thất thoát vượt quá mức độ cho phép trong quá trình sản xuất, nếu có.

- Tất cả quá trình nhập xuất và quản lý nguyên vật liệu đều do phòng kế

toán chịu trách nhiệm và chưa có sự phân công công việc rõ ràng dẫn đến việc cung ứng vật tư chưa kịp thời. Trong khi các sản phẩm của công ty được thực hiện với giá trị tương đối lớn và cần đảm bảo tiến độ cũng như chất lượng sản phẩm khẳng định uy tín với các khách hàng. Theo em công ty nên thành lập một phòng ban hoặc một bộ phận chuyên trách về lĩnh vực cung ứng vật tư phục sản xuất. Bộ phận này có nhiệm vụ liên hệ với nhà cung cấp, tìm các đối tác có khả năng cung cấp vật liệu đảm bảo chất lượng, số lượng và chủng loại cho công tác sản xuất. Sau đó làm hợp đồng và các thủ tục mua bán các loại nguyên vật liệu cần thiết.

Công ty nên hạch toán mức hao hụt trong định mức Nhà nước quy định khi xuất hàng bán vào TK 632 - Giá vốn hàng bán thì mới đúng theo chế độ kế toán hiện hành và xác định được giá vốn hàng bán chính xác hơn vì sự hao hụt này là do thời tiết và phương tiện kỹ thuật.

Công ty nên xác định số lượng hao hụt theo công thức: (Hao hụt trong quá trình sử dụng).

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{hao hụt} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{hiện có} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ hao hụt} \\ \text{định mức} \end{array}$$

$$\text{Giá trị hao hụt} = \text{Số lượng hao hụt} \times \text{Đơn giá quy định}$$

Như thế sẽ xác định đúng giá trị của hàng hoá bị hao hụt.

Nếu hao hụt trong định mức cho phép thì Công ty hạch toán vào chi phí.

Nợ TK 632: Lượng hao hụt định mức.

Có TK 152: Lượng hao hụt định mức.

Nếu lượng nguyên vật liệu hao hụt > định mức cho phép thì hạch toán vào nguyên vật liệu thiếu chưa rõ nguyên nhân.

Nợ TK 1381 : Lượng hao hụt vượt định mức.

Nợ TK 632 : Lượng hao hụt định mức.

Có TK 152 : Tổng lượng hao hụt định mức.

Cách xác định như vậy sẽ giúp cho Công ty biết rõ số lượng hao hụt cũng như giá trị để Công ty có biện pháp cũng như đổi mới phương tiện kỹ thuật để hạn chế sự hao hụt khi nhận nguyên vật liệu cũng như khi xuất nguyên vật liệu.

- **Ý kiến 5:** Công ty tiến hành trích BHTN, KPCĐ cho người lao động.

Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động công ty nên trích BHTN, KPCĐ cho người lao động. Khi người lao động đã đảm bảo được những quyền lợi thì họ sẽ tích cực lao động, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng, nâng cao năng suất nên tạo ra nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Các khoản trích theo lương công ty tính như sau:

- BHTN: tính bằng 2% trên tổng quỹ lương cơ bản.

Trong đó: 1% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh

1% khấu trừ vào lương của người lao động

- KPCĐ ; Tính bằng 2% tiền lương thực tế phải trả người lao động

Trong đó: 2% tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Và khi đó ác khoản trích theo lương sẽ là:

Nội dung	BHXH	BHYT	BHTN	KPCĐ	Tổng cộng
Tính vào chi phí SXKD	16%	3%	1%	2%	22%
Trừ vào lương người LĐ	6%	1,5%	1%		8,5%
Tổng	22%	4,5%	2%	2%	30,5%

Ví dụ: Tính các khoản trích theo lương của công nhân sản xuất bánh mì tháng 12/2010.

- Tính lương phải trả công nhân sản xuất bánh mì ruốc:

Nợ TK 622: 186.712.616

Có TK 334: 186.712.616

- Trích các khoản theo lương đưa vào chi phí.

Nợ TK 622: 23.950.323

Có TK 3383: 16.311.504

Có TK 3384: 3.058.407

Có TK 3382: 3.560.943

Có TK 3389: 1.019.469

- Khấu trừ vào lương các khoản trích theo lương.

Nợ TK 334: 8.665.485

Có TK 3383: 6.116.814

Có TK 3384: 1.529.204

Có TK 3389: 1.019.469

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SX PHÚ ĐƯỜNG

Địa chỉ: 17 - Trường Chinh - Kiến An - Hải Phòng

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI**

Tháng 12 năm 2010

Tại bộ phận sản xuất

Đơn vị : Đồng

S T T	TK ghi Có	TK 334				TK 338				
		Lương cơ bản	Lương hệ số năng suất	Các khoản khác	Cộng có TK 334	BHXX (3383)	BHYT (3384)	BHTN (3389)	KPCĐ (3382)	Cộng
<b>I</b>	<b>Công nhân sx</b>	101.946.904	55.507.712	29.261.000	186.712.616	16.311.505	3.058.407	1.019.469	3.560.943	23.950.324
1	Cn sx bánh mỳ ruốc	21.069.486	11.045.130	6.981.000	39.095.616	3.371.118	632.085	210.695	746.094	4.959.992
2	Cnsx bánh mỳ bông lan nhỏ	20.745.020	11.110.980	6.020.030	37.876.030	3.319.203	622.351	207.450	722.254	4.871.258
3	Cnsx bánh mỳ bơ sữa	19.480.039	11.378.961	5.020.970	35.879.970	3.116.806	584.401	194.800	684.483	4.580.490
4	Cn sx bánh mỳ Stass	19.786.329	11.969.760	5.720.089	37.476.089	3.165.812	593.589	197.863	715.885	4.673.149
5	Cn Sx bánh mỳ Toke	20.866.030	10.002.881	5.520.911	36.388.911	3.338.565	625.981	208.661	692.306	4.865.513

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập bảng  
(Ký, họ tên )Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

**- Ý kiến 6: Trả lương cho công nhân sản xuất từ lương thời gian sang lương sản phẩm.**

- Công nhân là người trực tiếp làm ra sản phẩm vì vậy công ty nên trả lương cho công nhân sản xuất theo sản phẩm để khuyến khích người lao động làm việc theo chế độ làm nhiều ăn nhiều tránh trường hợp không làm nhưng vẫn được hưởng như những người làm nhiều. Trả lương cho công nhân sản xuất như vậy để công nhân hăng hái làm việc để tạo ra năng suất lao động cao mang lại nhiều lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Cách trả lương như sau:

B1: Tính lương sản phẩm của công nhân:

$$\begin{array}{l} \text{Tiền lương sản} \\ \text{phẩm của công} \\ \text{nhân sản xuất} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng sản} \\ \text{phẩm hoàn thành} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{tiền lương} \end{array}$$

Tiền lương sẽ được trả cho người lao động theo khối lượng sản phẩm hoàn thành đảm bảo chất lượng, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật và đơn giá tiền lương một đơn vị sản phẩm.

**- Ý kiến 7: Về các khoản thiệt hại trong sản xuất.**

Thiệt hại trong sản xuất là điều khó tránh khỏi trong quá trình sản xuất kinh doanh. Những thiệt hại này có thể do nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp, cũng có thể do nhân tố khách quan gây nên nhưng đều ảnh hưởng đến chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Những thiệt hại trong sản xuất có nhiều loại song chủ yếu gồm thiệt hại về sản phẩm hỏng và thiệt hại ngừng sản xuất.

**✚ Thiệt hại về sản phẩm hỏng**

Sản phẩm hỏng là những sản phẩm đang trong quá trình sản xuất hoặc sản xuất xong nhưng có những sai phạm về mặt tiêu chuẩn kỹ thuật liên quan đến chất lượng, mẫu mã, quy cách. Những sai phạm này có thể do những nguyên nhân liên quan đến trình độ lành nghề, chất lượng vật liệu, tình hình trang bị kỹ thuật, việc chấp hành kỷ luật lao động, sự tác động của điều kiện tự nhiên.

Hiện tại Công ty không hạch toán khoản thiệt hại này. Do sản phẩm hỏng

của Công ty tương đối nhỏ nên thiệt hại về sản phẩm hỏng do thành phẩm gánh chịu. Tuy nhiên nếu thành phẩm phải chịu chi phí thiệt hại do sản phẩm hỏng sẽ làm tăng giá thành của thành phẩm. Bởi vậy Công ty nên hạch toán khoản thiệt hại này bằng cách tìm đúng nguyên nhân để xử lý đúng đắn. Nếu sản phẩm hỏng là do người lao động gây ra thì phải yêu cầu bồi thường để nâng cao ý thức trách nhiệm của người lao động trong quá trình sản xuất. Nếu sản phẩm hỏng do lỗi kỹ thuật thì cần có biện pháp khắc phục để hạn chế thấp nhất thiệt hại.

Tuỳ theo mức độ hư hỏng và khối lượng, sản phẩm hỏng được chia làm:

- Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được: Là sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật cho phép sửa chữa được và việc sửa chữa có lợi về mặt kinh tế.

- Sản phẩm hỏng không sửa chữa được: Là sản phẩm hỏng mà điều kiện kỹ thuật không cho phép sửa chữa hoặc việc sửa chữa không có lợi về mặt kinh tế.

- Sản phẩm hỏng trong định mức: Là những sản phẩm hỏng mà doanh nghiệp dự kiến sẽ xảy ra trong quá trình sản xuất. Đây là những sản phẩm hỏng được xem là không tránh khỏi trong quá trình sản xuất cho nên phần chi phí cho những sản phẩm này được coi là chi phí sản xuất của chính phẩm. Doanh nghiệp buộc chấp nhận có tỷ lệ sản phẩm hỏng nhất định.

- Sản phẩm hỏng ngoài định mức: Là những sản phẩm hỏng nằm ngoài dự kiến của doanh nghiệp do các nguyên nhân bất thường như máy hỏng, hoả hoạn bất chợt... Do xảy ra bất thường nên chi phí của chúng không được cộng vào chi phí sản xuất chính phẩm mà được xem là khoản phí tổn thời kỳ, phait trừ vào thu nhập.

Thiệt hại về sản phẩm hỏng trong định mức được tính như sau:

Thiệt hại về sản phẩm hỏng trong định mức	=	Giá trị sản phẩm hỏng không sửa chữa được	+	Chi phí sửa chữa sản phẩm hỏng có thể sửa chữa được	-	Giá trị phế liệu thu hồi (nếu có)
---	---	---	---	---	---	-----------------------------------

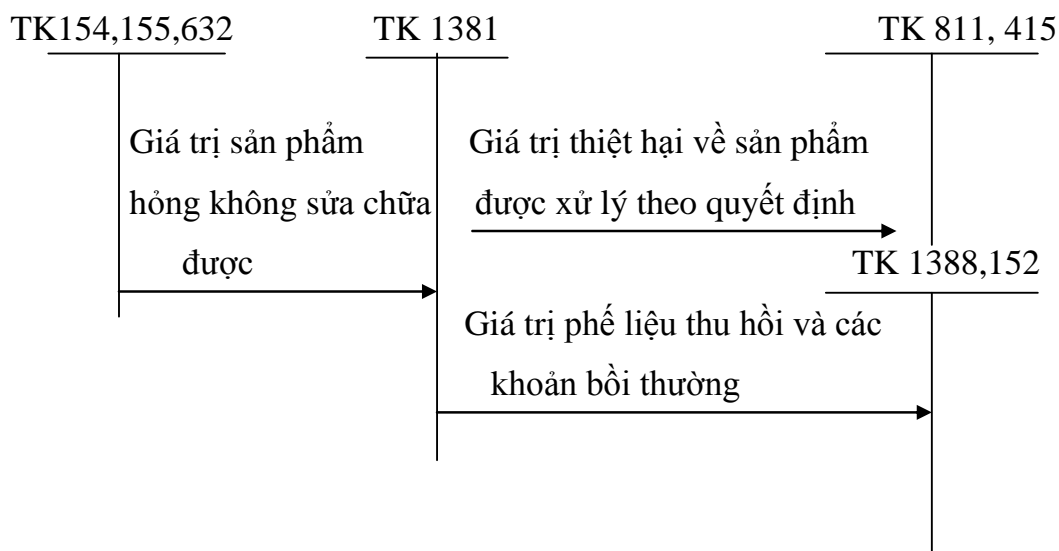
Toàn bộ giá trị thiệt hại này tính vào chi phí sản xuất và được hạch toán như đối với chính phẩm.

Đối với giá trị sản phẩm hỏng ngoài định mức, kế toán phải theo dõi riêng,

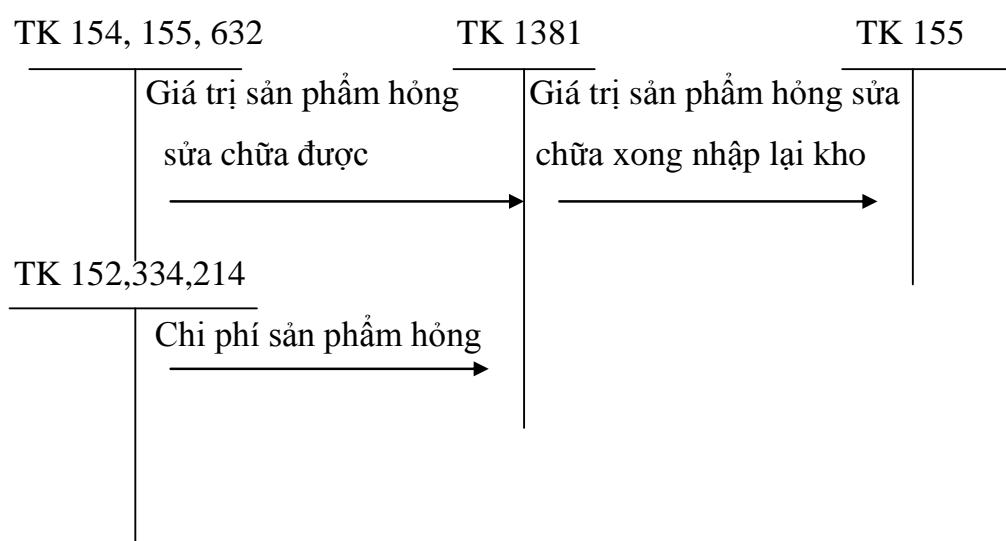


đồng thời xem xét nguyên nhân gây ra sản phẩm hỏng để có biện pháp xử lý.

Sơ đồ 3.1 Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng không sửa chữa được:



Sơ đồ 3.2: Sơ đồ hạch toán về sản phẩm hỏng sửa chữa được



### **- Ý kiến 8: Việc xây dựng định mức dự trữ và bảo quản nguyên vật liệu trong kho**

- Bảo quản nguyên vật liệu là khâu rất quan trọng liên quan đến quá trình sản xuất của doanh nghiệp. Vì vậy công ty cần phải chú ý đến khâu bảo quản nguyên vật liệu bằng việc xây dựng và bố trí hệ thống kho tàng, thiết bị kỹ thuật đầy đủ trên cơ sở phân loại theo tính chất cơ, lý, hoá của từng loại nguyên vật liệu để có biện pháp bảo quản tốt nhất...Nhìn chung các loại nguyên vật liệu

thường dễ hỏng dưới tác động của môi trường, khí hậu... và dễ mất mát, hao hụt nên rất khó khăn trong công tác bảo quản. Chi phí cho việc bảo quản đôi khi rất lớn, do vậy công ty nên tính đến hiệu quả của chi phí này có nghĩa là phải tính được tỷ lệ hợp lý giữa giá vật liệu với chi phí bảo quản chúng. Công ty nên xây dựng trong mỗi kho phải có ngăn, giá, kê, bục, có đủ phương tiện phòng chống ẩm thích ứng với từng loại vật liệu và thuốc phòng sâu mọt, mối, v.v. Sắp xếp vật liệu, máy móc thiết bị trong kho, lán, bãi phải thứ tự, hệ thống từng loại, có hàng lối, có chỗ đi lại, di chuyển vật liệu máy móc dễ dàng.

- Vị trí kho, lán, bãi phải thuận lợi, phải xa những nơi bản thủ, xa những phân xưởng hàn đúc, xa những nơi có chứa khí “các-bô-níc ” khi “Hy-đơ-rô” khí lưu huỳnh, xa những khu nhà ở, nhà bếp v.v... Phải xa đường dây cao thế ít nhất là 50 m.

- Phải tổ chức hệ thống kho tàng đảm bảo an toàn cho vật liệu cả về số lượng và chất lượng. Phát hiện và ngăn ngừa những biểu hiện vi phạm làm thất thoát vật liệu. Công ty nên xây dựng bảng tính định mức dự trữ nguyên vật liệu để tránh tình trạng khan hiếm nguyên vật liệu hoặc ứ đọng nguyên vật liệu. Định kỳ công ty có nên cử cán bộ kế toán đi kiểm tra số nguyên vật liệu đã sử dụng. Có thể lập báo cáo phân bổ nguyên vật liệu như sau:

Mã NVL	Tên NVL	Đơn vị tính	Định mức đơn vị	Tiêu hao định mức	Tiêu hao thực tế	Tiền phân bổ
	Cộng					

### **- Ý kiến 9: Về việc luân chuyển chứng từ.**

Do công ty mới đi vào hoạt động lưu giữ và luân chuyển chứng từ chưa có khoa học dễ dẫn đến hiện tượng mất mát chứng từ. Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ khi luân chuyển giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi giao nhận chứng từ thì các bên đều phải ký nhận vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

Việc này giúp quản lý chặt chẽ chứng từ của công ty. Đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

Dưới đây, em xin mở phiếu giao nhận chứng từ.

PHIẾU GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Từ ngày.... đến ngày....

Tên chứng từ	Số hiệu chứng từ	Số lượng chứng từ	Số tiền	Ký nhận
1	2	3	4	5

## KẾT LUẬN

Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế và tiến trình phát triển của đất nước, cơ chế nhà nước được đổi mới với những chính sách mở cửa đã mang lại những cơ hội cũng như những thách thức cho sự phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nó đòi hỏi các doanh nghiệp phải luôn tìm tòi sáng tạo, hoàn thiện phương thức sản xuất kinh doanh bằng một hệ thống công cụ quản lý kinh tế nhằm đạt được mục tiêu của doanh nghiệp. Một trong những mục tiêu đó là tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm đồng nghĩa với tăng lợi nhuận, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Do vậy việc hiệu và phân tích một cách chính xác, đầy đủ tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một trong những nội dung quan trọng, thiết yếu giúp đưa ra những giải pháp hoàn thiện gắn liền với việc đánh giá và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường, em thấy công tác phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung tại Công ty đã được thực hiện tốt từ việc phân tích thị trường nhằm đưa ra các chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp, đến việc phân tích các báo cáo tài chính trong Công ty. Về công tác tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà công ty đề ra với việc phát huy tối đa trình độ, kinh nghiệm cộng với sự sáng tạo, đồng tâm của cán bộ công nhân viên. Do đó, công tác này đã giúp cho Công ty nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng lợi nhuận, tăng sức cạnh tranh trên thị trường trong điều kiện nền kinh tế nước ta đang có những chuyển biến quan trọng đòi hỏi tính tự chủ, độc lập, sáng tạo rất lớn từ phía các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, do còn những hạn chế nhất định nên bài luận văn của em không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong sẽ nhận được những góp ý

quý báu của các thầy cô giáo, các cô chú anh chị trong phòng kế toán trong Công ty và các bạn để bài luận văn được hoàn thiện hơn, giúp em có những kiến thức và kinh nghiệm tốt trong công việc sau này.

Em xin được bày tỏ lòng cảm ơn chân thành tới **Th.s Nguyễn Văn Thụ** cùng toàn thể thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân Lập Hải Phòng cũng như sự giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường để em có thể hoàn thành bài luận văn tốt nghiệp này.

Hải phòng, ngày 07 tháng 06 năm 2011

**Sinh viên: Nguyễn Thị Hồng**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- 1- Kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 2- Chế độ kế toán doanh nghiệp - Bộ tài chính
  - Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán
  - Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán sơ đồ kế toán
- 3- Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính - Nhà xuất bản Tài chính Hà Nội
- 4- Khóa luận của các anh chị khoá trên trường ĐHDL Hải Phòng.

# MỤC LỤC

Lời mở đầu .....	1
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT .....</b>	<b>3</b>
<b>1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.....</b>	<b>3</b>
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	3
1.1.2. Vai trò, nhiệm vụ trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	3
<b>1.2. Tổng quan về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....</b>	<b>4</b>
1.2.1. Chi phí sản xuất và phân loại chi phí sản xuất.....	4
1.2.2. Giá thành sản phẩm và phân loại giá thành sản phẩm.....	7
<b>1.3. Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. ....</b>	<b>9</b>
1.3.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.....	9
1.3.2. Phương pháp tập hợp chi phí .....	9
1.3.3. Đối tượng và kỳ tính giá thành sản phẩm.....	10
1.3.4. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang.....	11
1.3.5. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	14
<b>1.4. Nội dung tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. ....</b>	<b>17</b>
1.4.1. Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành trong trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	17
1.4.1.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	18
1.4.1.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	19
1.4.1.3. Kế toán chi phí sản xuất chung.....	20

1.4.1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm. ....	23
1.4.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong trường hợp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ. ....	24
<b>CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT PHÚ ĐƯỜNG. ....</b>	<b>29</b>
<b>2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường .....</b>	<b>29</b>
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty.....	29
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.....	30
2.1.3. Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường. ....	31
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.....	34
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán.....	34
2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.....	35
2.1.4.3. Tổ chức vận dụng chế độ kế toán.....	35
2.1.4.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách và hình thức kế toán tại công ty .....	36
2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính. ....	37
<b>2.2. Thực trạng tổ chức kế toán công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường. ....</b>	<b>37</b>
2.2.1. Kế toán chi phí sản xuất tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường.....	37
2.2.1.1. Phân loại chi phí sản xuất.....	37
2.2.1.2. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất. ....	39



2.2.1.3. <i>Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp</i> .....	39
2.2.1.4. <i>Kế toán chi phí nhân công trực tiếp</i> .....	48
2.2.1.5. <i>Kế toán chi phí sản xuất chung</i> .....	59
2.2.2. <i>Kế toán tập hợp chi phí sản xuất</i> .....	73
2.2.3. <i>Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ</i> .....	74
2.2.4. <i>Kế toán tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường</i> .....	74
2.2.4.1. <i>Đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành</i> .....	74
2.2.4.2. <i>Phương pháp tính giá</i> .....	74
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT PHÚ ĐƯỜNG</b> .....	80
<b>3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm</b> .....	80
3.1.1. <i>Ưu điểm</i> .....	81
3.1.2. <i>Những tồn tại của công ty</i> .....	83
<b>3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH thương mại và sản xuất Phú Đường</b> .....	85
<b>KẾT LUẬN</b> .....	100
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	102